

Số 9 — NAM THƯ TAM — NHAM — U



# JIÊN-HOÀ

NGUYỆT SAN

# LIÊN HOA

## NGUYỆT SAN



### MỤC LỤC SỐ 9 NĂM THỨ 8

P. L 2506 — RẪM THÁNG 9 NĂM NHÂM-DẦN (13-10-1962)

Phải tôn trọng hình tượng đức Phật	<i>Liên Hoa</i>
Thệ nguyện phò độ của Bồ-tát	<i>Thích Nguyên-Hồng</i>
Bác-sĩ Ambedkar	<i>Thích Thiện-Châu</i>
Ánh đèn khuya (Thơ)	<i>Huyền-Không</i>
Súc sanh	<i>Tịnh-Như</i>
Ông Hoàng-Hoa (Mẫu Chuyện đạo)	<i>Thích nữ Thê-Quán</i>
Lịch sử tư tưởng Phật-giáo	<i>Thích Minh - Châu</i>
Phật-giáo Indonesia	<i>Tri-Chơn dịch</i>
Tái sinh ca (thơ)	<i>Thạch Trung-Giã</i>
Luận Tân duy thức	<i>Thích Mật - Nguyễn</i>
Thư Sư cô	<i>Liên-Tâm</i>
Vườn thơ đạo-lý	<i>Nhất-Như</i>
Xú-Vệ	<i>Thích Thiện-Châu</i>
Nước tịnh rửa thù (Kịch)	<i>Hoàng-Ăn</i>
Mách thuốc	<i>Bác-sĩ N. A.</i>
Tin tức	
Bia do Họa-sĩ Phạm-đăng-Trí trình bày	



# HÒA-THƯỢNG THUYỀN-TÔN

## Hội-trưởng Hội Phật-giáo Việt-Nam tại Trung-phần

Cửi toàn thể Hội-hữu và  
các cháu Đoàn-sinh Gia-đình Phật-tử.

Qua báo chí, qua tin tức, các Hội-hữu và Đoàn-sinh Gia-đình Phật-tử được biết những tai hại do trận bão BABS (16-9-62) gây nên tại hai Tỉnh Quảng-trị và Thừa-thiên. Những thảm cảnh diễn ra một cách khủng khiếp trong trận bão và còn âm thầm kéo dài vì hậu quả của nó. Những cuộc cứu trợ cấp thời của hai Tỉnh Trị-sự Quảng-trị và Thừa-thiên chỉ là một nắm cát tung giữa biển sa-mạc, vì những tổn thất quá nặng nề, nhất là Quảng-trị:

- Khuôn-hội bị sập đổ 35%
- Khuôn-hội bị hư hỏng 65%
- Nhà cửa hội-viên sập đổ 80%
- Mùa màng bị thiệt hại 85%

và đau đớn hơn nữa là tánh mạng của hội-hữu, Tín đồ và Đoàn-sinh Gia-đình Phật-tử.

Đến đây, tôi yêu cầu quý Hội-hữu, Đoàn-sinh yên lặng trong một phút để cầu nguyện cho hương linh những nạn nhân quá cố, và để cảm thông nỗi đau thương với nhân dân hai Tỉnh Quảng-trị, Thừa-thiên.

Toàn thể Hội-hữu và các cháu,

«Miếng khi đói bằng đọi khi no». Lúc này là lúc chúng ta tỏ lòng tương thân tương ái với nhau. Lúc này mà lúc tinh thần dùm bọc cần được phát hiện một cách cụ thể. Phật-giáo đồ hai Tỉnh Quảng-trị, Thừa-thiên đang chờ những bàn tay thoa dịu thì muốn phụng Phật-tử để cảm nhận được rằng trong vui sướng cũng như trong đau buồn, họ không lẻ loi đơn độc.

Nhân danh Hội-trưởng Hội Phật-giáo Việt-nam tại Trung-phần và riêng tôi, Tôi gửi đến toàn thể Hội-hữu và các cháu lời kêu gọi đồng thiết của tôi mà tôi tin tưởng sẽ được đáp ứng một cách hiệu quả.

Tôi gửi đến toàn thể Hội-hữu và các cháu lòng tri ân của Phật-giáo Quảng-trị và Thừa-thiên.

Xin cầu chư Phật gia hộ cho toàn thể chúng ta.

**Nam mô cứu - khổ cứu - nạn Quán - Thế - Âm Bồ - tát.**

Từ-Đàm, ngày 1 tháng 9 Phật-lịch 2506

Hòa-Thượng Thuyền-Tôn

# PHẢI TÔN TRỌNG HÌNH TƯỢNG ĐỨC PHẬT

LIÊN HOA

VẤN-đề này liên-Hoa đã đời ba lần đề-cập đến, nhưng có lẽ tiếng nói của liên-Hoa còn nhỏ bé quá, nên chưa vang dội được cùng khắp trong hàng tín-đồ Phật-giáo. Vì bởi cái tệ xử dụng và lợi dụng bữa-bồi hình-tượng đức Phật mỗi ngày mỗi lan tràn, nên liên-Hoa mặc dầu nháp cổ nhỏ họng cũng cố gao thét lên một lần nữa, cầu mong giới Phật-tử chú ý cho.

Quý Phật-Tử chắc không khỏi đau lòng khi thấy tượng đức Phật, Bồ-Tát, bị đem ra bêu trên các bao hương, bao đèn, bao mì, bao trà, trên nhãn chai xi dầu, trên cả những chiếc xe quảng-cáo, trên bảng hiệu buôn, có khi tệ hơn nữa là đúc thành chiếc bánh, bán cho con nít ăn!

Một hình-thức tồi tệ khác là: có một số người bán khung ảnh hay hàng xén, bày la liệt tượng Phật trên mặt lề đường, để lẫn lộn trong tủ gương lược, hay treo lủng đống khắp nơi, mặc tình cho mưa nắng bụi bặm đất cát dính vào. Họ coi hình tượng Phật cũng như một món hàng vật, không quan-trọng gì cả.

Toa rập với hàng con buôn vô đạo trên, một số tay ngang, không có một chút khiếu thẩm mỹ, không có một ý niệm tôn con về hội họa, cũng vẽ bữa những tượng Phật đề in bán. Tất nhiên những bức ảnh tượng ấy về phương-diện thẩm mỹ là một con số 0, còn về phương-diện giáo-lý thì những bức tượng ấy chưa biểu lộ được nhân-tướng, xấu thua mặt người nữa, huống hồ là biểu-lộ được đức Từ, Bi, Hỷ, Xả mà một tượng Phật phải có. Thế mà có một số người câu-thả vẫn tỉnh về thờ!

Đành rằng trong thế-giới tự-do này, ai cấm được ai ai làm gì có lợi mà không vi-phạm pháp-luật thì cứ làm. Nhưng chúng tôi chỉ lấy làm ngạc-nhiên là: Tại sao trước những hành-vi lợi-dụng trần-tráo và hỗn xược đối với vị Giáo-chủ chỉ tôn của mình mà giới Phật-tử vẫn thản nhiên xem như không hay biết? Tại sao chúng ta không đặt thành chiến dịch phản đối những hình-thức lợi dụng-nói trên, bài xích tày chay không dùng đến những món hàng mượn hình tượng Phật để câu khách? Tại sao chúng ta không khuyến bảo cảnh-cáo những người bán hàng đã tày tàn hình tượng đức Phật.

(Muốn có hiệu quả trong vấn-đề này, thiết nghĩ các cơ-quan Phật-giáo trong Tổng-Hội nên ra thông-cáo chính-thức cho các cấp dưới và trong những buổi thuyết-pháp và hội-họp cũng nên đưa vấn-đề này ra với các hội-hữu)

Chúng ta không nên quá tự tôn mặc cảm, nhưng cũng không nên có tự ti mặc cảm đối với tôn-giáo của chúng ta. Nếu chúng ta để cho người khác khinh thường hình ảnh vị Giáo-chủ chí-tôn chí-kính của chúng ta, thì phỏng chúng ta có còn xứng đáng là tín-đồ của vị Giáo-chủ ấy hay không?



Đã quy-y Phật, thì phải tôn thờ hình ảnh của Ngài, đã tôn thờ hình ảnh của Ngài, thì không thể để cho ai khinh rẻ lợi dụng được. Đó là nói về phần hình-thức. Còn về phương-diện tinh-thần thì phải giữ «chính-tín» thực-hiện theo tinh-thần Từ-Bi Trí-tuệ của Phật dạy, không thể vừa thờ Phật vừa «thờ ma» được. Chúng tôi nói như thế, là vì gần đây có cái dịch lưu-hành từ «kính sám-hối núi Nga-My». Có một ông nào đó tự xưng là lão-Tăng ở tận bên Tàu, nói ra những điều mê-tín, dị-đoan, mâu-thuần với chánh-pháp, hăm dọa nếu không tin lời sám ấy, hay không chép ra nhiều bản để phát cho những người xung quanh sẽ bị tai này họa khác v.v... và v.v... một tờ truyền đơn vô nghĩa lý, cốt lợi-dụng để bán hàng và xuyên-tạc chánh-pháp như thế, mà khổ thay, cũng có một số người tin theo và làm theo!

Mong rằng những lời chơn-thành trên đây sẽ không phải là những giọt nước rơi trên sa-mạc, những lời gào thét giữa Đại-dương.

# THỆ NGUYỆN PHỔ ĐỘ CỦA BỒ-TÁT

(Nguyên văn *The Bodhisattva's Vow of Universal Redemption* của E. A. Burtt)

Nội dung bài này trích dẫn nhiều đoạn kinh khác nhau, có thể đại-biểu cho Đại-thừa trả lời các vấn đề trong hai bài cuối chương III của sách này. Bồ-tát đã vượt qua giai đoạn tự cầu giải thoát, phát tâm làm việc lợi ích hữu tình. Và bao giờ chưa giải thoát được hết thì hạnh nguyện ấy vẫn chưa thôi. Bồ-tát sau khi chứng ngộ không rời thế gian để vào Niết-bàn. Bồ-tát ở lại thế gian, tuy bề ngoài không khác người thường mà kỳ thật đem pháp từ bi hiển thân làm việc lợi ích. Bồ-tát đem cái tình đại bi đồng thể, chia sẻ những nỗi thống khổ; chứ không phải làm gương cho mọi người thấy một bậc đã đoạn tận phiền não.



*Phật dạy* : — *Này Xà-lợi-phất ! Ý ngươi thế nào ? Các đệ tử Thanh-Văn và Bích-Chi có nhận rằng sau khi chứng đạo ta hóa độ chúng sanh cùng nhập Niết-bàn, cùng nhập Vô-du Niết-bàn không bỏ sót một ai chăng ?*

*Xà-lợi-phất thưa* : — *Bạch Thế-tôn, không.*

— *Vậy nên biết trí tuệ của Thanh-Văn, Bích-Chi không sánh được với trí từ bi của Bồ-tát.*

*Này Xà-lợi-phất ! Ý ngươi nghĩ sao ? Các đệ tử Thanh-Văn, Bích-Chi có nhận rằng ta tu tập lục-độ, thành thực chúng sanh, trang nghiêm Phật-độ, chúng Như-lai thập lực, từ vô-sở úy, từ chúng Phật-tri và thập bát bất cộng pháp; sau khi thành đạo hóa độ chúng sanh hướng đến Niết-bàn ?*

— *Bạch Thế-tôn, không.*

— *Nhưng đó là những sơ phát tâm Bồ-tát. Họ giống như đom đóm cùng các loại trùng dạ-quang không thể dùng ánh*

sáng soi được cõi Nam-thiệm-bộ châu. Cũng vậy, Thanh-Văn, Bích Chi không nghĩ rằng họ có thể, sau khi chứng ngộ, hướng dẫn chúng sanh đến Niết-bàn. Nhưng, mặt trời một khi mọc lên, ánh sáng thái-dương chiếu khắp Nam-thiệm-bộ châu. Cũng vậy, khi chứng Phật trí, Bồ-tát hóa độ vô số chúng sanh đến Niết-bàn.



Phật bảo : — Tu-bồ-đề ! Giả sử có một anh hùng vô song, dũng mãnh phi thường, địa-vị hiên hách, dung mạo anh tuấn ai trông thấy cũng hoan hỷ, đức hạnh tài cao, hiểu học không ham vui thú, thánh đức đầy đủ v. v., Ấy là người cương nghị tỏ rõ tài năng, không sợ trở ngại, kiên nhẫn thời cơ hoàn cảnh và mọi vật. Lại tinh xa thuật, tài nghệ địch, giỏi mỹ nghệ, khéo thủ công, nhiều trí lực, văn chương rực rỡ, bạn hữu đông đúc, của cải dồi dào, thân thể cường tráng, tay chân vạm vỡ, khoan dung độ lượng, thân thể yếu vui vẻ. Người ấy làm việc gì cũng thành tựu, nói năng khuôn phép, nhân từ rộng rãi, kính trọng người khả kính, tôn trọng kẻ khả tôn, lễ độ bậc trưởng thượng.

Tu-bồ-đề ! Người ấy có cảm thấy khoái lạc hưng thú nhiều vô kể chăng ?

Tu-bồ-đề đáp : — Bạch Thế-tôn, có như vậy.

— Giả sử một ngày kia, còn người hoàn toàn ấy mang cả gia-đình cha, mẹ, con trai, con gái đi chơi xa. Đường đi phải qua một cánh rừng lớn hoang vu, mọi người đều rừng tóc kinh sợ. Người ấy thân nhiên bảo : « — Đừng sợ hãi ! Tôi sẽ bảo đảm đưa qua khỏi khu rừng khủng khiếp này bình an vô sự ». Lúc ấy thì kẻ địch từ rừng sâu ra tấn công. Người anh hùng cứ thẳng tới không lùi bước, xông dục đường hoàng, cứng cỏi quả quyết, từ hòa thông minh, tài năng cương nghị. Như thế người anh hùng có bỏ gia-đình riêng thoát thân nơi khu rừng hung hiểm chăng ?

— Bạch Thế-tôn, không. Người anh hùng thông minh ấy sẽ không bỏ gia-đình, đặt trước tiên tính toán, bố trí ụỷ lực, ngăn ngừa kẻ địch, bảo vệ cả nhà. Kẻ địch đâu dòm dõ tìm chỗ sơ hở cũng chẳng làm được gì. Người kia khéo léo tình tường đối phó hoàn-cảnh đem được cả nhà ra khỏi rừng hiểm, đến thôn ấp, chợ quán, phố xá hoàn toàn vô sự.

— Tu-bồ-đề! Cũng thế, Bồ-tát thương chung sanh, làm lợi ích chung sanh, ở tại thế gian, hữu ái từ bi, giúp đỡ mọi người vui tươi mà ý niệm bình đẳng.



Con đấng đại-hùng tuy chứng pháp tánh chân thật, nhưng dung mạo không khác người thường bị vô minh ngăn che sinh ra đời. Việc này thật là lạ lùng.

Người ấy thương xót chúng sanh ràng buộc nơi thế gian; người ấy tuy đến bậc thánh mà dung mạo khác thế thường nhân.

Người ấy đã siêu xuất thế gian mà không xa lìa thế gian, ở lại thế gian làm việc lợi ích chung sanh mà không bị thế tục hoen ố.

Như hoa sen sinh ở trong nước không bị nước làm ô nhiễm, người ấy tuy ở thế gian không bị thế pháp làm nhiễm ố.

Lóng như lửa sáng rực rỡ soi chiếu mọi người nhưng vẫn an trụ nơi cảnh bất khả thuyết.

Bởi đã chứng ngộ thật nghĩa, xa lìa tâm phân biệt, tuy giáo hóa chúng sanh mà in tưởng không làm gì cả.

Người ấy ứng cơ thuyết pháp, khéo dùng phương tiện, hoặc bằng lời nói, hoặc bằng dung mạo, hoặc tự nhãn nhục, hoặc tự thân hành.



Không chấp trước pháp nào, tri tuệ không bị chướng ngại; ở thế gian độ chúng sanh, như hư không chẳng cái gì có thể trôi buớc nổi.

Bồ-tát đến địa vị này, tri đức sánh bằng Như-lai; không xa lìa thế gian, phát tâm độ chúng sanh.

Tuy nhiên, cảnh giới Bồ - Tát còn xa cảnh giới Như-Lai; thí như bụi bặm sánh với đất đai, như vũng nước đọng vết chân trâu sánh cùng biển cả.



Một vị Bồ-tát phát nguyện: Tôi xin chịu mọi thống khổ, Tôi xin phát tâm làm như vậy, chịu tất cả, không trốn tránh, không run sợ, không kinh hãi, không khiếp nhược, không thoái bước.

Bởi tại sao? Bất luận thế nào, tôi quyết chịu gánh vác cho chúng sanh. Vì vậy tôi không chấp đó là ý riêng tôi. Tôi đã phát nguyện độ sanh, ắt tôi phải làm sao chúng sanh được giải thoát. Tôi phải tế độ mọi loài hữu tình ra khỏi sanh, lão, bệnh, tử và sự tái sanh, khỏi tất cả những thứ đạo đức sai lầm, tất cả những trạng huống bị thương, vòng luân hồi, rình vọng kiến, sự mất chánh pháp, bạn đảng vô minh; tôi nguyện làm cho chúng sanh thoát khỏi những thứ nguy hiểm đó.

.... Hành vi của tôi cốt là khắp vì chúng sanh kiến lập một đại trí quốc độ. Sự tinh tiến của tôi không phải để giải thoát riêng mình. Dòng sông luân hồi rất khó vượt. Tôi phải dùng thuyền Bát-nhã đem chúng sanh qua khỏi dòng sông ấy. Tôi sẽ khiến chúng sanh ghìm ngựa nơi sườn núi chơi vui. Tôi sẽ đem chúng sanh ra khỏi khổ nạn. Tôi phải đưa chúng sanh qua dòng sanh tử. Chính tôi phải gắng chịu mọi thống khổ chúng sanh. Tôi đem hết năng lực

«thường thức» các nỗi thống khổ để truy tìm nguồn gốc các thứ thống khổ. Tôi không đem điều chưa chứng ngộ ra đối chúng sanh. Những khổ nào trong vô lượng thế giới tôi quyết một mình chịu lấy. Tất cả chúng sanh khổ nào trong vô lượng thế giới, tôi làm sao cho họ đến giải thoát.

Bởi tại sao? Là vì một thân tôi dù chịu khổ đến đâu cũng chẳng nhằm gì so với bao nhiêu thống khổ mà chúng sanh phải chịu. Tôi phải xả thân để cứu chuộc chúng sanh ra khỏi cảnh hãi hùng của địa ngục, súc sanh và Dạ ma thế giới. Vì chúng sanh tôi phải chịu mọi thống khổ. Vì lợi ích chúng sanh, tôi phải vì chúng sanh làm người bảo chứng. Vậy tôi phải nói lời chân thật, lời đáng tin cậy, không nói lời phản phúc. Tôi phải không bỏ rơi chúng sanh.

Bởi tại sao? Tôi đã phát tâm cầu Nhất thiết tri mục đích cứu độ chúng sanh, tức cũng là mục đích giải thoát tất cả thế giới muôn loài. Tôi cầu vô thượng giác đạo không phải vì cầu dục lạc, không phải vì thị hiếu của năm giác quan, hoặc vì quá tham muốn dục lạc. Tôi làm hạnh Bồ-tát không vì tìm kiếm sự vui khoái của cảm giác.

Bởi tại sao? Vì khoái lạc thật ra chẳng là gì cả. Ai quá say mê khoái lạc, sớm muộn cũng rơi vào thế giới tà ma,

NGUYỄN HỒNG dịch

(The teachings of the Compassionate Buddha)

## HÃNG BẢO - VẤN

76 NGUYỄN TRI-PHƯƠNG — Đà-nẵng

Điện thoại số: 116 — Hộp thư số: 73

**ĐẠI-LÝ CÁC LOẠI:** Xe hơi, Vespa, Velosolex.

**CHUYÊN BÁN:** Phụ tùng và vỏ ruột xe hơi,

**GA-RA:** Sửa chữa máy móc, Vận tải công cộng

Bác - sĩ

# Ambedkar

THÍCH THIÊN-CHÂU

TRONG chuyến đi chiêm bái vừa qua, chúng tôi có ghé lại Bombay, một đô thị phồn thịnh nằm bên bờ Ấn-độ-dương, để nghỉ ngơi và thăm viếng những hang động xung quanh. Ở đây, Đại-đức Minh-Châu đã nhận lời thỉnh cầu của một số Phật-tử Ấn đến tận nhà họ đề chứng minh lễ đầu năm và quy y cho một số người mới hướng về Tam-bảo. Những người này nghèo khổ nhưng rất tín thành. Chúng tôi, thầy Huyền Vi và Pasadika cùng đi theo

Điều làm cho chúng tôi rất ngạc nhiên là bên bàn Phật có thêm tượng của một người mặc âu phục đeo kính trắng. Tôi rất ái ngại trong khi hành lễ bởi lẽ một Phật-tử chỉ nên lễ Phật Pháp Tăng mà không được lễ ai khác nữa.

Sau buổi lễ, chúng tôi hỏi Đại-đức Minh-Châu:

Thưa thầy: Tăng đồ cũng như tín đồ của những xứ thuộc Nam tôn thường thờ chỉ thờ một tượng đức Bồn-Sur thôi, tại sao ở đây họ lại thờ thêm tượng gì lạ như thế này?

Đại-đức Minh-Châu cho biết:

— Đó là tượng của Bác-sĩ Ambedkar. Vì cảm ơn sâu của Bác-sĩ người đã đem họ về với Chánh-pháp, nên họ thờ cả tượng của Bác-sĩ. Họ xem Bác-sĩ như một vị Bồ-tát ra đời để đưa

những người cùng dính trở về với Giáo-pháp từ bi và bình-đẳng. Họ kính ngưỡng Đức Phật nhưng họ nghĩ rằng nếu không có Bác-sĩ Ambedkar thì có lẽ muôn đời họ phải sống với Ấn-độ-giáo.

Những lời của Đại-đức Minh-Châu đã khơi dậy sự hiểu biết của chúng tôi về Bác-sĩ Ambedkar và phong trào đảo đảo những người cùng dính Ấn quy-y Phật mà chúng tôi đã được đọc qua sách báo vào khoảng 1956 khi còn ở nước nhà.

Thế là trí tò mò của chúng tôi được dịp tốt để hoạt động. Tôi đã hỏi thêm Đại-đức Minh-Châu và một vài người trí thức trong số những Phật-tử mới này một cách kỹ càng về đời sống tôn giáo của Bác-sĩ Ambedkar và sau đây là những tài liệu mà chúng tôi đã thu thập được.

Bác-sĩ Ambedkar vốn là một trong những người cùng dính Ấn đã chịu đựng không biết bao nhiêu gian khổ do ảnh hưởng phân chia giai cấp của Ấn-độ-giáo gây nên. Sau những giai đoạn tự cường với bản thân và tranh đấu với hoàn cảnh Bác-sĩ đã thành đạt tưng rở trong vấn đề học vấn. Người đã đậu tất cả những chứng chỉ cao cấp sau đây: M.A. (Thạc-sĩ) Ph.D. (Tiến sĩ Triết học) D.X. Bác-sĩ Y-khoa) LL.D (Tiến sĩ Luật - khoa) D.Litt. (Tiến sĩ văn chương). Bác-sĩ đã trở nên

lãnh tụ của giai cấp cùng đinh, người thảo ra Hiến-pháp Ấn-độ và làm Tổng-trưởng bộ Tư-pháp. Người đã quy-y Phật-giáo không phải bởi sự cưỡng bức mà bởi lòng tự nguyện.

Chúng ta hãy ngược dòng thời gian để tìm hiểu nguyên nhân nào đã thúc đẩy Bác-sĩ trở về với Phật-giáo và sự quy hướng lịch sử này đã diễn tiến ra sao.

Vào năm 1936 lâu xa, Bác-sĩ Ambedkar tuyên bố từ giả Ấn-độ-giáo, một tôn giáo đầy cả thần quyền và phân chia giai cấp. Đồng thời Bác-sĩ cũng cho biết người sẽ lựa chọn một tôn giáo mới. Tiếng nói này không phải là của chỉ một mình Bác-sĩ mà là của hàng triệu người cùng giai cấp với Bác-sĩ.

Tin này được tung ra và làm cho những tôn giáo khác vui mừng và hy vọng. Bởi vì những tôn giáo ấy nghĩ rằng nếu lời kéo được Bác-sĩ Ambedkar là lời kéo được hàng triệu người chịu sự lãnh đạo của Bác-sĩ. Và như thế, tôn giáo của họ sẽ có thêm một hậu thuẫn vĩ đại. Hồi-giáo tìm đủ cách để chinh phục con người đầy uy tín này. Đạo Sikh bắt đầu quyền góp để giúp đỡ những người cùng đinh hầu mua chuộc Bác-sĩ. Sự hưởng ứng của những người theo đạo Sikh nhiệt liệt đến nỗi với số tiền thù góp họ đã xây dựng được trường Đại-học Khalsa, sau khi biết được Bác-sĩ không có ý định theo đạo Sikh. Và còn nhiều việc làm thất bại của các tôn giáo khác nữa!...

Bác-sĩ, với sự khôn ngoan đã không vội vàng qui hướng tôn-giáo

nào cả. Sự quyết định theo một tôn giáo mới đến với Bác-sĩ sau 20 năm đắn đo tìm hiểu và suy nghĩ. Trong thời gian ấy, Bác-sĩ đã thật tâm học hỏi và khách quan so sánh tất cả tôn giáo. Tôn giáo mà Bác-sĩ thích nhất, sau khi khám phá được những điều hay về đẹp của nó, là Phật-giáo. Bác-sĩ liền tuyên bố: Tôi sẽ là một Phật-tử vì tôi tin chắc rằng Phật-giáo chính là tôn giáo duy nhất sẽ đem lại hạnh phúc cho tôi cũng như hàng triệu người theo tôi.

Vào ngày 14 tháng 10 năm 1956 tại thành phố Nagpur, Bác-sĩ chính thức ly khai Ấn-độ-giáo và trở về với Phật-giáo với buổi lễ quy-y dưới sự chứng minh của Đại-lão Hòa Thượng U. Chandramani, người Miến-diện hiện trú trì tại Cầu-thị-Na. Hàng vạn người dự lễ đã thấy rõ nỗi vui mừng của Bác-sĩ lộ trên gương mặt và nghe được giọng nói chơn thành của Bác-sĩ và vợ của người trong những câu Tam-quy và ngũ-giới.

Sau lễ quy y, Bác-sĩ đã gặp gỡ những người cùng đinh và nói cho họ biết vì sao Bác-sĩ đã quy y Phật. Đồng thời Bác-sĩ cũng hỏi ý kiến họ về vấn đề tôn-giáo. Hàng triệu người đã sung sướng đi theo con đường của Bác-sĩ. Bấy giờ phong trào những người cùng đinh quy Phật nổi lên khắp nơi trên đất Ấn làm cho các tôn giáo khác bực mình.

Người ta kể lại rằng trong những buổi diễn thuyết, Bác-sĩ thường nói: "Tôi sanh ra từ Ấn-Độ-giáo nhưng tôi không thể chết trong Ấn-Độ-giáo" — Bác-sĩ đã làm cho hàng vạn người rơi lệ khi

kề lại những khổ nhục mà chính bản thân của Bác-sĩ đã chịu đựng như lúc học tại một trường Trung-học. Theo chương trình, Bác-sĩ đã chọn Sanskrit là ngôn ngữ thứ hai nhưng Bác-sĩ đã bị bắt buộc học tiếng Ba-Tư vì ông Giáo-sư Sanskrit khinh bỉ không chịu dạy chữ Sanskrit cho người « hạ-tiện ». Bác-sĩ đã nói lên những sự chua xót do Ấn-Độ-giáo gây nên mà những người cùng đinh phải chịu. Theo lý thuyết Ấn-Độ-giáo, người cùng đinh là con vật ghê tởm nếu ai đụng đến là mất « thánh thể » và không được trò về với Brahma (Phạm-Thiên), đến nỗi những người ở giai cấp trên không dám đụng đến bóng của họ. Người cùng đinh không có quyền học tập để mở trí khôn, không được bước vào nhà của những người khác giai cấp, không được phép bén mảng đến đền miếu Ấn-Độ-giáo... Cho đến nay những thủ tục vô nhân đạo này vẫn còn được giữ ở các nơi xa thị tứ.

Bác-sĩ đã cực lực lên án chế độ giai cấp do Ấn-Độ-giáo và những vị Bàlamôn đặt ra và kêu gọi những người cùng đinh hướng về Phật-giáo. Vì rằng theo luật Manu của Ấn-Độ-giáo xã-hội loài người gồm có bốn giai cấp. Giai cấp Bàlamôn (Giáo-sĩ) sanh ra từ miệng của Phạm-Thiên; Giai cấp Sát-Đế-Lợi (vua chúa) từ vai; Giai cấp Tỳ-Xá (nông công) từ bụng và giai cấp Thủ-Đà-La (cùng đinh) từ chân. Nhưng theo Phật-giáo thì mọi người đều bình đẳng sự cao thấp của loài người không phải do sanh ở giai cấp trên hay giai cấp dưới mà có, mà bởi hành vi thiện ác của mỗi người. Tất cả mọi người đều bình đẳng trước luật nhưn quả.

Do đó người trong giai cấp Bàlamôn không thể là cao thượng khi người đó phạm tội lỗi như cắp trộm, tà dâm v. v. . . Pháp luật cũng trừng trị họ. Trái lại những người ở giai cấp tầm thường vẫn là những người đáng kính mến nếu họ thật có tài năng và đạo đức. Chính « nghiệp » (karma) của con người làm cho con người cao hay thấp đáng trọng hay đáng khinh chứ không phải Brahma. Về phương diện tích cực Phật-giáo chủ trương tất cả chúng sanh đều có khả năng giác-ngộ (Phật-tánh). Chế độ giai cấp gây ra sự ghét bỏ và tranh chấp. Tinh thần bình đẳng làm cho con người biết thương yêu và kính mến lẫn nhau.

Cũng trong những buổi diễn thuyết, Bác-sĩ nói với những người cùng đinh rằng: Phật-giáo chính là tôn-giáo có một tinh thần dân chủ tốt ráo. Phật-giáo thừa sức giúp cho Chánh-phủ thực hiện những điều cao đẹp trong Hiến-pháp và làm cho nhân dân biết sống theo và thừa hưởng tinh thần dân chủ của Hiến-pháp.

Bác-sĩ hứa nguyện sẽ làm cho Chánh-pháp sống lại một cách mau chóng trên đất đã phát sinh ra nó, để cứu độ cho những kẻ khổ đau trong giấc mộng thần quyền huyền hoặc và chế độ giai cấp bạo tàn phi luân.

Đúng bảy tuần sau khi trở về với ánh sáng của đức Giác-ngộ, Bác-sĩ đã từ trần một cách yên tĩnh nhưng đau đớn! Nhiều sự nghi ngờ được đặt ra và người ta thăm hiểu có một điều gì bí mật trong cái chết của Bác-sĩ Ambgdkar!

Dù sao Bác - sĩ đã thực hiện được lời hứa : « Tôi sanh từ Ấn-Độ - giáo nhưng không thể chết trong Ấn - Độ - giáo ». Bác-sĩ đã trút hơi thở cuối cùng vào ngày 6 tháng 12 năm 1956, trong đêm thức khuya để viết quyển « đức Phật và giáo pháp của Ngài » (The Buddha and his Dharma).

Hàng triệu người theo dấu chân Bác-sĩ đau đớn bơ vơ, vì đã mất đi 1 vị lãnh tụ sáng suốt trong xã-hội thiếu chơn lý và tình thương!

Danh từ « Phật-tử mới » (Neo-Buddhist) được các báo chí Ấn-Độ dùng để gọi Bác-sĩ Ambedkar và những người cùng đinh quy y Tam-Bảo trong thời kỳ ấy. Danh từ tuy dùng không đúng (vì những Phật-tử mới này không phải quy y với đức Phật nào khác lạ mà chỉ trở về với giáo pháp của Phật Tỳ Kheo - Ca đã truyền dạy hơn 2500 năm về trước) nhưng đã ghi lại được một sự kiện đẹp để đã diễn ra trong lịch sử Phật-giáo.

Sau khi hiểu biết sơ qua một vài nét sống tôn-giáo của Bác-sĩ Ambedkar và sự qui hướng lịch sử của những người nghèo khổ này, lòng tin tưởng đối với Chánh-pháp của chúng tôi càng thêm đậm đà và tình thương mến những người Phật - tử mới càng thêm thiết tha!

Tuy ở lại Bombay không bao lâu nhưng ngày từ giã của chúng tôi đã làm lưu luyến những Phật-tử mới này không ít. Họ chỉ thành danh lễ tất cả chúng tôi trước khi tất cả chúng tôi bước lên xe. Trên xe chúng tôi băn khoăn suy nghĩ: làm sao giúp đỡ đời sống tinh thần cho những người nghèo khổ

vật chất này. Chánh - pháp thì thừa sức nhưng Tăng-già thì quá thiếu, hàng triệu Phật - tử mà vốn vẹn chỉ có độ 3, 4 vị Tăng-già trong miền Bombay và Poona này.

Chúng tôi trình bày sự băn khoăn ấy lên Đại-đức Minh-Châu, Đại-đức cho biết Đại-đức Sangharakshita người Anh-Cát-Lợi hiện ở Kalimpong hằng năm có xuống đây giảng diễn. Những lớp học Phật - pháp cũng được tổ chức thường xuyên. Và họ có những tổ chức nhỏ nhỏ như khuôn hội bên ta để dắt dìu nhau trên đường tu học.

Mùa hè năm nay, chúng tôi được may mắn an trú tại tu viện của Đại-đức Sangharakshita trong thời gian gần 2 tháng, chúng tôi được biết Đại - đức sẽ lập một trung tâm truyền giáo tại Poona (cách Bombay độ 150 cây số) để tiện việc hướng dẫn cho hàng triệu Phật - tử mới. Đại - đức còn cho biết thêm Đại - đức đã bàn sơ qua chương trình với Đại - đức Minh - Châu và hy vọng được sự hợp tác của Đại-đức Minh-Châu cùng nhiều vị khác.

Tôi thầm ước nguyện ngày mai đủ tài đủ đức và nếu được quý Thượng-tọa ở nước nhà cho phép chúng tôi sẽ xin sung vào giáo-đoàn của Đại - đức Sangharakshita để góp tay vào công việc phục hưng mạnh mẽ Chánh - pháp trên đất Phật và giúp đỡ những người đã theo tiếng gọi của B.S. Ambedkar.

P. L. 2506

Nalanda, ngày sen nở nhiều.

## Ánh đèn khuya

« Chuông chùa thông thả ngân  
Vạn vật yên lành trong giấc mộng  
Đêm vắng, ánh đèn khuya »

(Buson, Thi - sĩ Nhật)

Gửi T.H. với ý - nghĩa ngọn đèn « Chùa  
Một Cột » mà Người đã tặng tôi.

H. K.

Đêm nay có ngọn đèn xanh  
Làm cho ta thấy an lành tâm tư  
Đèn là bóng Phật hiền từ  
Làm cho ta gặp chân như thuở nào

Ánh đèn thức tỉnh chiêm bao  
Làm cho ta nhớ muôn sao trên trời  
Ánh đèn tỏa rộng biển khơi  
Làm cho ta sống xa với thương đau

Đèn kia không biết từ đâu  
Làm cho nhân loại quay đầu quay ý  
Đèn xanh là hạnh từ bi  
Làm cho muôn kiếp thương vì lẫn nhau

Ngoài kia, đèn sáng muôn màu  
Thế nhân lăn lộn trong bao nhiêu hình  
Ở đây, soi kiếp ba sinh  
Đèn khuya tỉnh mộng: thấy mình ngàn xưa...

Tokyo, đêm thượng - tuần tháng 8.  
HUYỀN - KHÔNG

# SÚC SANH



Tịnh-Như

**S**ÚC-sanh giới, theo Phật-giáo, là một nẻo chuyên kiếp trong sáu nẻo luân-hồi. Sự hiện-diện của súc-sanh giới trong cuộc sống không phải việc tình cờ, không phải do ngẫu-hứng của một bàn tay toàn-năng và huyền-nhiệm sáng tạo, mà chính là do ở nghiệp-lực, một động-năng bắt nguồn chính từ cuộc sống.

Sự sống của nhân-loại và sự sống của sinh-vật cũng chỉ là một; biến-hoại xét trên bình-diện vô-thường, và không có chủ-tể xét trên bình-diện vô-ngã. Thế nên, tôn trọng sự sống của Súc-sanh giới chẳng khác gì tôn-trọng sự sống của Nhân-giới. Người và sinh-vật chỉ khác biệt nhau về hình-thái, về tri-huệ, chứ không khác biệt nhau về đau khổ. Bản năng tự tồn không dành riêng cho loài thượng-dẳng sinh-vật kiêu ngạo hay cho loài sinh-vật thui chột khả-năng tri-giáo và suy-tưởng. Sự khác biệt về trí-tuệ và hình-thái, như trên đã nói, nguyên ủy bởi **ngiệp-lực** và **do tâm thức biến hiện** mà thôi.

Nhưng cần gì phải đi tìm kết quả của nghiệp-lực sau khi thác sinh! Cứ cần gì phải minh-chứng bằng mắt thấy tai nghe hề đa ái-dục thì thác-sanh làm chim bồ-câu hay làm dê; hề nhiều ích-kỷ tham-vọng thì thác-sinh làm vịt, làm trâu, làm ngựa; hề nhiều hung bạo, tàn ác thì thác-sanh làm khỉ đột, hổ mang để mọi người ghê tởm, hoặc làm gà vịt heo bò cho người ta ăn thịt. Chúng ta há không thấy — dù không phải là nhà tướng số — trong cuộc sống thường nhật, những hình dáng thể-hiện một cá-tính nặng nề, chậm chạp **như trâu**, những đôi mắt gườm gườm báo hiệu một tâm-hồn **lang sói**, những nét mặt lạnh lợi và lì lợm chứng minh một khả năng gian trá và thích gặm nhắm **như chuột**, những đôi mép tráo trở, khẩu Phật tâm **Xà**! Chúng ta há không thấy những bộ mặt phê phôn trong ó to nhà lầu, chẳng



khác gì những **con heo** no đủ, chỉ nghĩ đến bao tử không hề nghe đến tiếng rên la của người bên cạnh và thấy kệ những diễn-biến của quốc - gia, xã - hội. Chúng ta há không thấy những người **dối**, nói hai lưỡi, ở hai nhà, thờ hai tin nguỡng. Chúng ta há không thấy những công việc dan diu của những kẻ **nhân cư vi bất thiện** xảy ra ban ngày như **chó** và **ngựa** dỏ sao?

Súc-sanh đã ăn núp trong cốt cách và tâm niệm con người vậy!

Không biết với nền văn-minh rục-rỡ hiện-đại, loài người có tự hào rằng, nhân loại ngày nay nhiều nơi vẫn cúi đầu làm kiếp **trâu ngựa** cho chính con người! Trâu ngựa vì nạn kỳ-thị màu da, vì nạn nô lệ, vì nạn độc-tài khát máu. Loài người, không biết có hãnh diện hay không, khi thấy con người ngày nay được lột trần hết cả bản năng theo những khuynh-hướng triết-lý phiêu-lưu, luôn luôn được kích-động bằng những thứ nghệ-thuật mệnh-danh là của thời-đại, để xác thịt lộng hành như loài **dê khỉ**. Loài người chắc cũng còn kiêu-hãnh với những nguyên-tử, vệ-tinh, với những chủ-nghĩa khai-thác hết nhân-lực con người, biến xã-hội trần gian thành thiên-đường máu lệ, với những mẫu người mới, mà «**lương tri**» còn độc dữ hơn **sư tử**, **hùm**, **beo**.

Nền văn-hóa nhân-loại chúng ta hôm nay bị nhiễm độc trầm trọng bởi những khuynh-hướng nhiều chủ tri hơn là chủ tâm, nhằm cách-mệnh khoa-học và cách-mệnh triết-lý hơn là cách-mệnh con người. Trên con đường tiến đến một nhân-cách toàn hảo, một địa-vị tối-thượng, con người vẫn chưa cách xa cầm thú là mấy!

Súc-sanh giới, Nhân-giới, Phật-giới đều nằm trong tâm niệm, gieo hạt trong tâm niệm và nẩy mầm trong tâm niệm. Xã-hội tốt đẹp đòi hỏi ở những con người tốt đẹp. Chánh-báo và Y-báo, kẻ tạo nghiệp và thế-giới thụ-hưởng của kẻ tạo nghiệp, trên định luật nhân quả, vốn không rời nhau.

Con người tốt đẹp đó, không thể nào không tìm thấy ở con người Bi, Trí, Dũng. Thế quân-bình giữa ý-chí, khối óc, trái tim mới, giúp con người biến cải xã-hội loài người để rời bỏ địa-vị súc-sanh, tiến đến một nhân-cách toàn thiện.

# ÔNG HOÀNG-HOA



Mẫu chuyện đạo của THÍCH NỮ THÈ-QUÁN

CHẾT rồi đại Tỷ ơi, ông Hoàng-Hoa.

Tôi thất kinh nhìn ngơ ngác :

— Ông Hoàng-Hoa nào?

— Ông Quán miết giáp mà tháng trước đại tỷ kêu ngài ấy mà?

— Ông tên Hoàng-Hoa à?

— Dạ em có biết ông tên chi đâu, nhưng mấy lâu mình thoát được chị Hoàng-Hoa, mà chừ lại xuất hiện một ông cũng hay hỏi như chị Hoàng-Hoa, nên em gọi là ông Hoàng-Hoa vậy mà.

— Hừ, pháp muội thật thối, ông Hoàng-Hoa chừ có phải ông kẹ (1) đâu mà sợ dữ rứa. Ai yếu bóng vía, ở với pháp muội chắc có ngày rụng tim.

— Dạ em sợ ông ta hỏi cất cớ mình trả lời không được thì nguy to.

— Ấy, chân thật bất hư, họ hỏi chi mình biết thì trả lời, không biết thì nói không biết, chừ dốt mà dẫu ai được.

Chúng tôi đang nói thì ông Hoàng-Hoa vào, theo khách là một vị đứng tuổi có vẻ thâm nho, với hai thanh niên một thiếu nữ.

Khách giới thiệu cho biết vị thâm nho là bạn thân của khách, hai thanh niên, một học trường luật, một là quân nhân, thiếu nữ học trường thuốc năm thứ ba; là cháu và con gái của khách.

Tuần trà thứ nhất xong, khách nhập đề:

(1) Ông kẹ, một danh từ dè dọ con nít,

— Thưa Ni cô, tôi xin thú thật hôm trước tôi không phải chủ tâm đi nghe giảng. Nhân trời nóng bức tôi đi dạo ngang qua thấy đèn sáng người đông, hỏi thăm nghe có qui vị Ni cô về giảng đạo. Tôi nghĩ bụng con gái mà nói cái gì? Rồi vì tánh hiếu kỳ tôi rẽ vào coi chơi. Nhưng khi nghe Ni cô trình bày có nhiều điểm hay hay tôi ngồi rần rại, nhân có những chỗ thắc mắc như giới sát, được Ni cô giải thích nhiều. Khi về tôi kể chuyện cho các cháu nghe, nó thích lắm. Hôm nay tôi đưa ông bạn tôi và các cháu đến đây thăm, và xin Ni cô cho phép các cháu được hỏi thêm những chỗ nó còn hồ nghi, đề trong lúc ra phụng sự tổ-quốc và phục vụ khoa-học khỏi thắc mắc.

Thanh niên A tiếp lời:

— Thưa Sư cô? Con là một Phật tử đã quy y Tam-bảo và thọ trì năm giới. Nay nước nhà hữu sự, con phải ra đề bảo vệ quốc-gia, lẽ dĩ nhiên không khỏi phạm giới, nhất là về giới sát. Vây mong Sư cô giải thích cho con biết như hoàn cảnh con, phải làm thế nào để trọn một Phật tử chân chánh, và một quân nhân trung thành?

— Thật ra khi nước nhà tao loạn, mà chúng ta chưa có một giải pháp gì cao siêu để giữ gìn đất nước cho vẹn toàn, thì bổn phận công dân là phải bảo vệ quốc gia bất cứ bằng cách nào. Chỉ trừ những vị xuất gia chân chánh, là người đã hiến trọn đời mình cho chánh pháp, mà hằng ngày trong đó thường đặt nặng vấn đề phát huy đạo đức trong dân chúng cầu nguyện cho tổ quốc nhân dân (1). Còn toàn dân thì đều có bổn phận tự vệ. Song hãy căn cứ trong cơ tâm khi cầm vũ khí ở tay. Nếu biết sử dụng cho đúng ý nghĩa thì giá trị vẫn cao đẹp, và dĩ nhiên dù Phật tử cũng không phạm giới. Trái lại, lợi dụng vũ khí để làm bậy như: bắn cá, bắn chim, bắn heo gà, hoặc bắn kẻ thù riêng mình v.v.. Thì ngoài cái tội phạm giới, còn thêm một tội phạm kỷ luật nữa phải không?

(1) Người xuất gia mỗi khóa tụng khuya thường có câu: quốc giới an ninh bình cách tiêu, phong điều vô thuận dân an lạc. Tạm dịch: cầu cho nước nhà yên ổn, giặc cướp đình chỉ, mưa thuận gió hòa, nhân dân được an ổn.

— Vâng, đúng thế!

— Chắc các anh chị còn nhớ hồi Pháp thuộc, có nhiều bác lính theo Tây về lòng các miền quê, trong tay kè kè cây súng, gập đồng bào xách gà mang chuối v.v. đi bán, thì chia súng vào. Không súng công cũng phải bán rẽ. Nên hồi ấy đồng bào sợ lính hơn sợ cọp. Xin lỗi anh nhé. Trái lại, ngày nay có rất nhiều binh sĩ mang súng đi đến đâu thì mang cả tấm lòng nhân ái đến đấy, họ đã mượn cây súng giúp ích thật sự cho dân chúng nên đồng bào rất thương mến, mà trong ấy phần nhiều là Phật tử. Như thế, cùng một cây súng mà sử dụng khác nhau, một bên thì bảo vệ đồng bào, một bên thì lợi dụng để làm loạn. Vậy mình định chữ giới, nghĩa là ngăn điều quấy, dứt việc ác, nên không những ngoài hành động mà từ trong ý nghĩ, lời nói cũng vậy. Bất cứ làm, nói, hay suy nghĩ điều gì mà có lợi người, lợi vật, trong hiện tại cũng như tương lai, thì đều gọi thiện « giữ giới »; Trái lại, ý nghĩ, lời nói, việc làm nếu có hại cho người cũng như loài vật trong hiện tại và tương lai thì đều gọi là ác « phạm giới » cả.

Bạn của ông Hoàng-Hoà tiếp lời:

— Dạ làm đau khổ loài vật mà cũng bị tội ư? Thế sao sách có câu: vật dĩ dưỡng nhơn?

— Thưa cụ! chữ dưỡng là nuôi phải không ạ?

— Vâng!

— Thưa cụ! Thế câu, « hiểu dưỡng phụ mẫu »... Người ta có thể hiểu là: làm con thì phải lấy thịt mình để nuôi cha mẹ không?

— ???

— Thưa cụ, như thế chữ dưỡng nghĩa là nuôi. Thì bất cứ nuôi bằng cách nào. Như trần cam bùi ngọt, quạt nồng ấp lạnh v.v. hay làm nên danh vọng để tiếng thơm cho cha mẹ, đều là nuôi cả. (nuôi vật chất, nuôi tinh thần). Thì vật loại cũng vậy: trâu cây ruộng, bò chuyên chở, heo lấy phân, gà gáy sáng (3). Nhờ các loài ấy mà nhà rộng,

(3) Ngày xưa chưa có đồng hồ, dân quê nghe gà gáy dậy nấu ăn để ra đồng.

lầm đày tạo thành gia nghiệp. Chứ nếu ăn thịt nó mà gọi là nuôi thì có sách nào nói «nghĩa dĩ dưỡng hồ» đâu?

Thiếu nữ:

— Bạch sư cô! Như con trong lúc thí nghiệm cần phải giải phẫu các loài vật để thí nghiệm, như thế có tội không ạ? Và nếu sợ tội thì phải làm thế nào?

— Căn cứ trên tâm niệm mà đánh giá tội phước chị ạ. Đại phạm phạm một giới, như giới sát chẳng hạn, có ba giai đoạn: 1) động cơ (móng tâm) 2) phương tiện (tìm cách) 3) thành dĩ (con vật chết). Ví dụ chị muốn ăn thịt thỏ, tâm muốn ấy là «động cơ», chị tìm cách cho có thỏ, hoặc bán hoặc mua, nghĩa là tìm tất cả phương cách để có thịt thỏ gọi là «phương tiện»; cuối cùng thỏ chết là «thành dĩ». Trong ba giai đoạn này mà người sát không có một sự hối hận thì hoàn toàn phạm tội sát sanh nặng.

Nói tóm lại, tâm niệm vì mình thì tội nặng, tâm niệm vì giúp ích đồng loại thì tội nhẹ. Tuy căn cứ trên tâm niệm thì tội nhẹ, nhưng quả báo sát sanh vẫn phải chịu, vì chị thấy có chủ thỏ chủ chuột nào lại chịu hy sinh để chị giải phẫu mà nghiên cứu đâu? Nếu chị biết sợ tội mà không thể làm thế nào được trong lúc ra phụng sự khoa học, thì còn có cách là phát tâm ăn chay mỗi tháng ít nhất hai ngày hoặc hơn càng tốt, và phải phóng sanh với làm việc phước thiện, nhất là trong lúc giải phẫu chị tha thiết tâm niệm cầu cho chúng thoát kiếp luân hồi.

— Dạ như vậy mà khỏi tội được ư?

— Tôi đã nói căn cứ trên tâm niệm mà đánh giá tội phước, dù sao cũng còn hơn hẳn nhiên trước cái chết dầy dụa của chúng chứ?

Thanh niên trường luật:

— Bạch sư cô! Theo như luật nhân quả trong nhà Phật thì giết một chúng sanh phải đền một sanh mạng, vậy con người từ khi sanh ra giết biết bao sanh mạng, vậy phải đền vô số thân mạng, như thế có tu e cũng không thành Phật được!

— Vàng, đúng thế. Nếu sát hại sanh linh nhiều mà tu ít thì làm sao thành Phật được? Nhưng nếu nhất niệm hồi tâm quyết chí tu hành chân chánh thì nhất định thành Phật chứ.

— Dạ thế không đền mang?

— Có chứ. Về điểm này các anh chị giỏi về khoa học thì rất dễ hiểu, nhất là y khoa. Anh xem một thân người có vô số vi trùng như một bụng đùn sán, hoặc vi trùng lao, và mỗi bộ phận đều có nhiều vi trùng rúc rĩa phá hoại cơ thể, làm người đau đờn khổ sở, chính là lúc các loài ấy đòi mang đấy. Tuy nhỏ song nó làm thế nào con người đến chết để trả thù kỳ được mới thôi. Nên đức Phật dạy: người nào gây nhân sát hại nhiều thì nhất định bị hai thứ quả báo: là nhiều bệnh và chết yểu.

Thanh niên A:

— Bạch sư cô! Chúng con cũng ưa ăn chay, song nhận thấy bất tiện quá, vì hiện nay chúng con phải sống tập thể, mà trong ấy có nhiều người không ăn chay, hoặc không biết ăn chay họ trở lại ngao nghệ, con nghĩ mình ăn chay mà để họ mang tội thì cũng không có lợi, nhiều khi sanh sự bất bằng. Vì vậy vẫn đề ăn chay đối với chúng con cũng khó.

— Vàng, tôi cũng nhận thấy vấn đề ăn chay đối với anh chị em khó thật, song khó mà làm được mới quý. Và lại, nếu lập trường mình vững thì họ có chể nhiều một vài bữa ban đầu, sau lâu thấy mình cương quyết thì tôi chắc đã là bạn học thức thì ai lại đi phũ nhân sự tin-giưỡng của kẻ khác. Tôi có câu chuyện này để anh chị chứng minh:

Có một vị sứ thần đi sứ qua thăm nước bạn (một nước văn minh), vua bạn tiếp đãi cực kỳ trọng hậu trong một bữa tiệc linh đình. Song vua bạn cũng như tất cả đình thần đều đề ý và ngạc nhiên, vì thấy vị sứ thần quá nửa buổi tiệc ông chỉ ngồi nhai không một mẫu bánh mì.

Vua nhà nhận hỏi:

— Tôi rất hân hạnh được tiếp một vị sứ thần của

nước bạn thân mến đến thăm nước tôi. Mà buổi tiệc hôm nay chính để tỏ tấm lòng thân hữu của hai nước chúng ta. Nhưng không hiểu chúng tôi có điều gì làm phát ý ngài mà suốt buổi tiệc ngài không dùng qua một thức ăn nào cả?

Vị sứ thần lễ phép:

— Kinh tâu Hoàng Thượng! còn gì hân hạnh cho chúng tôi bằng tấm lòng hạ cố của bệ hạ cùng quý ngài trong nội các, đối với chúng tôi trong bữa tiệc này. Nhưng hôm nay ngày rằm, mà tôi là một Phật-tử đã phát nguyện ăn chay trong ngày ấy.

Cả triều đình đều cảm phục cử chỉ thẳng thắn của vị sứ thần và hối hận về việc vô ý của mình.

Đây còn thêm một chuyện nữa:

Ngày tôi còn nhỏ trong gia đình mẹ tôi và chúng tôi đều ăn chay mỗi tháng bốn ngày, cha tôi thì hai ngày. Hôm ấy nhằm ngày 14, mẹ tôi đi vắng. Có người đem biểu một con heo quay và một mâm xôi vô nóng hổi, mùi tiêu hành thơm phức. Mấy đứa tôi cứ đi lên đi xuống và liếc mâm heo quay, cha tôi biết ý, trưa hôm ấy cha tôi gọi mấy đứa tôi lại và dạy:

— Bữa ni 14 mạ đi khỏi, có heo quay xôi vô ngon lắm cho các con phá giới đi, bữa mò ăn bồ lại cũng được, để cha xin phép Phật cho.

Hai chị tôi và các em nhất định không ăn, chỉ có tôi là ngoan ngoãn vâng lời liêu. Thế là bữa cơm hôm ấy tôi ngồi hầu cơm cha tôi trên bàn đầu còn hai chị tôi và các em ngồi cuối bàn với mâm cơm chay.

Cha tôi gắp từng miếng bỏ vào chén cho tôi, thấy tôi ăn ngon lành, cha tôi khen: cha cô ba (1) ngoan quá rứa mì giỏi chứ.

Tôi còn đại cử tưởng thiệt, thỉnh thoảng tôi nhìn xuống mấy em, thấy các em nhìn lên chòm chòm cười.

(1) Tôi là con thứ ba, cha tôi thường gọi chơi là cô ba.

Tôi nghĩ bụng các em đại quá, mình đã được ăn lại được khen.

Xong bữa cơm, tôi đứng dậy rửa tay. Cha tôi cười gọi:

— Cô ba mở rồi hè. Rồi cụ gọi các con lại. Cụ giảng thuyết gần một giờ đồng hồ. Chắc các anh chị cũng đoán biết buổi diễn thuyết ấy cha tôi khen hai chị tôi đã đành, mà rất phục thái cương quyết của các em tôi, cha tôi dạy: các con tuy còn nhỏ mà đã chững được sự thềm muốn để giữ vững lập trường của mình, thật là người biết tự trọng cha rất quý các con... cha tôi còn khen nhiều lắm, nhưng khi ấy tôi còn nghe gì đâu?! Chỉ biết từ đó về sau cha tôi bảo tất cả người trong nhà gọi tôi là «cô ba phải» (1).

Buổi nói chuyện với khách được chấm dứt khi còi vừa « hú ».

Khách đứng dậy sắp sửa cáo từ. Tôi tiễn khách thêm một câu:

— Tôi mong rằng buổi nói chuyện này, trừ hai cụ ra, còn anh chị phải trả cho tôi một đặc giá gì để kỷ niệm, không đến nỗi lý luận suông.

Thanh niên A chấp tay:

— Dạ con xin thay lời anh em đây và xin hứa với Sư-cô từ đây về sau chúng con xin phát nguyện ăn chay mỗi tháng hai ngày và gắng làm những điều thiện tùy theo khả năng của chúng con, dù gặp trường hợp khó khăn chúng con cũng xin cố gắng.

Thanh niên B khời bài thêm:

— Dạ chắc không đến nỗi thành «cô ba phải» xin Sư-cô yên tâm ạ.

— A-Di-Đà Phật, tôi tin tưởng lời hứa danh dự của anh chị em.

---

(1) Ba phải: ai nói chi cũng ừ, ai nói chi cũng nghe, ai nói chi cũng phải cả.



# LỊCH - SỬ - TƯ - TƯỞNG PHẬT - GIÁO

Thích-Minh-Châu

(Tiếp theo)

## Các học phái

Chính trong khoảng 3 thế-kỷ đầu của đạo Phật mà Giáo-hội được xem là đã phân chia 17, hay với phái chánh, thành 18 học phái. Hiện có nhiều danh sách ghi chép các học phái này.

Danh sách ghi chép trong tập Biên-niên-sử Tích-Lan có lẽ là xưa nhất, nhưng vì được một học phái giữ gìn nhờ sự giao thiệp trực tiếp với Ấn-Độ nên nhiều tên bị sai lạc. Cũng có nhiều danh sách từ các tài liệu Sanskrit, nhưng vì quá sai khác nhau thành thử chúng ta không thể phác họa một bản niên đại về sự sanh trưởng của các phân phái. Những phân phái ấy lẽ dĩ nhiên được phác họa rất lâu sau thời gọi học phái được xuất hiện và hình dung sự cố gắng của các nhà chú giải để tạo thành một lịch sử. Tuy vậy, những phân loại ấy cho phép chúng ta đạt đến nhiều kết luận quan trọng. Các Biên-niên-sử và các học phái ấy là *Ācariyavāda* «*Học phái của các vị sư trưởng*» và tên gọi này gọi nguyên nhân của sự xuất hiện các tôn phái, nghĩa là sự xuất hiện của các vị sư trưởng xuất chúng có thể bắc buộc một vài Tăng chúng tuân theo quan điểm của mình một số tên dùng tên riêng của các vị sư trưởng liên quan với những học phái của mình (38) Các tên khác thuộc tên xứ, gợi ý sự phát triển các học phái tại những thị trấn đặc biệt, và một vài tên đặc theo giáo pháp đặc biệt của học phái ấy.

Giá trị chọn thiết của những danh sách ấy cho chúng ta một quan niệm đại khái về các tôn phái sai khác được xem là đã được tuân theo trải qua những thời gian sai khác. Về quan điểm này, danh sách ghi trong tập *Mahāvagga* (275) là một trong những danh sách quan trọng nhất — Danh sách ấy cũng đáng được đặc biệt chú ý vì đã ghi

chép một vài tài liệu về các học phái Tích-Lan trong đạo Phật Phạn văn. Danh sách này thuộc danh sách Sawrāstivādiu (nhứt thể hữu bộ), và có thể được chép vào thế kỷ thứ 5 hay thứ 6 sau kỷ nguyên nhưng chắc chắn chứa nhiều tài liệu cũ hơn.

Sự sắp đặt không theo niên đại như các danh sách khác, các học phái được phân theo 4 loại.

1) *Sarvāstivādas* (nhứt thể hữu bộ) : *Mūla-Sarvāstivādas* (căn bản thuyết nhứt thể hữu bộ), *Kāś'gapāyās* = Ca-diếp tử bộ, *Māhāsāka* (Hóa địa bộ). *Dharmguptas* = (Pháp tạng bộ), *Bahu'sratiyas* = Đa văn bộ. *Tāmrās'atīyas* = Độc tử bộ, *Vibhajjavādīs* = (Phân biệt thuyết bộ.)

2) *Sammattiyas* = (Thánh chánh lượng bộ) *Kaurukullakās* = (Cao câu lê kha bộ) *Āvantakās* = (Bất khả khí bộ), *Vātsēpatūyas* = (Ngũ mẩu tử bộ) (Độc tử bộ).

3) *Mahāsanghikās* = Ma ha tăng kỳ bộ (Đại chúng bộ = *Pūva ś'ailas* (Đông sơn bộ) *Aparas'ailas* = (Tây sơn bộ) *Haimavatas* = (Tuyết sơn bộ) *Loḷottaravādīs* = (Thuyết xuất thế bộ) *Prajāptivādīs* (Thuyết già bộ).

4) *Sthāviras* = (Thượng tọa bộ) *Mahāvihāravāsīs* : pháp tăng bộ (Đại tự trú bộ) *Jetavanēyos* = (Thăng lâm bộ), *Abhayagirdivādīs* = Vô úy sơn trú bộ).

Một số ít những học phái này đều là tên suông, nhưng mỗi nhóm đều có ý nghĩa lịch sử quan trọng đối với phần giáo lý của mỗi học phái.

Sarvāstivādīs (Nhứt thể hữu bộ) và Theravādīs (Thượng tọa bộ) đều có kinh điển riêng, nếu rõ hai bộ này được phát triển liên hệ mật thiết với nhau. Cả hai kinh điển đều phát nguồn từ một thơ ngữ khrahit và suu tầm cho một chương mục như nhau. Nhưng vì cả hai kinh điển đều được giữ gìn trong trí nhớ, (39) và chỉ một sự phân chia địa điểm của từng bộ chúng sai khác cũng đủ để cắt nghĩa sự xuất hiện và phát triển của những phân loại sai khác như thế nào chắc chắn, nhiều sự sai khác được bắt đầu sớm hơn, vì chúng ta thấy kỳ đệ nhị kiết tập có nói đến những vị Sa-môn phía Đông và những

vì Sa-môn phía Tây. Nhưng không chắc rằng hai học phái ấy tự xem là sai biệt nhau cho đến trễ lắm là thuộc triều đại vua Asoka. Các Biên niên sử hình như cho sự cách biệt ấy thuộc trước triều đại vua Asoka, còn Vasumitra thời cho là sau. Vì không có sự ly giáo dữ dội, thành thử không dễ gì tìm rõ được ngày bắt đầu phân ly nhất là khi hai học phái sống với nhau trải nhiều thế kỷ.

Trong danh sách trên, danh từ *Sarvattivādīn* (nhứt thế hữu bộ) là một danh từ chung 7 nhóm. Tuy vậy kinh điển chữ Hán có ghi chép một Luật-tạng *Sarvāstivādīn* và một Luật-tạng *Mūla-Sarvāstivādīn* (Căn bản nhứt thế hữu bộ) một bộ trong danh sách này là *Vibhajyavādīn* (Phân biệt thuyết bộ) danh từ ấy có nghĩa là chia chẻ, phân tích nêu rõ phương pháp biện luận triết học. Cũng với danh từ này, học phái *Theravādīn* (Thượng tọa bộ) đã tự xưng với vua Asoka — Nếu sự này thiệt có, thời có thể hiểu rằng danh từ này lúc ấy chưa thành danh từ riêng của một học phái bởi vì chính nghĩa của danh từ này không một Phật tử nào là không công nhận.

Trong nhóm *Sammtiya* (Thánh chánh lượng bộ) có bộ *Āvantaḥas* (Bất khả khí bộ) nghĩa là dân tộc ở *Avantīn*, thuộc thị trấn phía Tây với thành phố chính là *Tyjenē*. Danh từ *Vātsīputrīya* (Ngu mẫu tử bộ) gọi sự liên lạc với một thị trấn phía Tây khác thị trấn *Vatras* (Pali-vamsas). Danh từ *Vātsīputrīputriyas* chưa bao giờ được giải thích về hình thức, danh từ ấy có nghĩa là những vị đệ tử ở *Vātsīputra* (8) hay *Vātsīputras*, nghĩa là dân tộc *Vatsa*. Học phái này, tuy được biết thuộc các học phái đối lập, rất quan trọng với giáo lý đặc biệt *Pudgalavāda* thuyết này chủ trương cá nhân còn có những gì hơn là chỉ gồm những phần tử hợp thành. Danh từ *Kaurukullaka* (Cao câu lệ kha bộ) đáng được chú ý, vì nêu rõ sự sống sót của một học phái tối sơ, không được ai biết đến (40). Cho đến danh từ cũng không được chắc chắn, vì được viết đến 4 cách và các tập Biên-niên-sử lại cho học phái này thuộc về loại sau.

Về *Mahāsaṅghika* (Đại chúng bộ) phần kinh điển còn lại là thuộc của bộ *Lokottaravādīn* (thuyết xuất thế bộ) trong tập *Mahāastu*. Học phái này chủ trương một học thuyết (doetictheory) về bản tánh đức Phật, rất quan trọng cho sự phát triển của Đại-thừa; và theo tập chú giải của *Kathāvatthu* hai học phái *Pūrvasailas* (Đông sơn bộ) và *Aparasailas* (Tây sơn bộ) về phía nam Ấn - Độ cũ.

đồng vai quan trọng tương tự Vasumitra cho rằng học phái *Hainavalas* (Tuyệt sơ bộ) chính là học phái *Sthaviras* (Theravādis Thượng tọa bộ) thay đổi tên. Rất có thể trong thời đại ấy, không có học phái *Theravādis* ở Ấn-Độ trừ một vài tên như *Haimavalas* đã tự lấy tên ấy chúng ta có thể kết luận tương tự đối với những ký sự của Ngài Huyền-Trang về phái *Sihaviras* ở Nam Ấn-Độ vào thế kỷ thứ bảy. Ngài tả phần đông các học phái ấy thuộc Đại-thừa sự thật, chính nhóm này gồm tất cả những học phái đã và sẽ trở thành Đại-thừa.

Các vị *Sthaviras* (chữ Pali là *theras*) « Các bậc Thượng - tọa » những vị tu hành theo phái « Theravāda » (Thượng tọa bộ) ở đây gồm cả ba học phái Theravāda tại Tích-Lan và được phân loại đúng như tập *Biên-niên-sử* ở Tích-Lan.

Các vị *Mahāvihāravāsīs* « những vị ở tại Đại Tăng - Viện, tự xưng thuộc phái Thượng tọa bộ chánh tông, do Ngài *Mahātuda* thành lập tại Anurādhapura khi đạo Phật được chánh thức truyền vào Tích-Lan, dưới thời đại vua Asoka và khi Đại Tăng-Viện được xây dựng. Tập *Mahāvāyasa* cho chúng ta biết, hai thế kỷ sau, trong triều đại vua Vaittāmani (29 trước kỷ nguyên) Tăng - Viện *Abhayagiri* được cất lên, và không bao lâu xảy ra một cuộc ly giáo đây rõ ràng là học phái của *Abhayagiriśāstas* (Vô úy sơn trú bộ) những vị tu hành ở Tăng-Viện *Abhayagiri* cũng tại Anurādhapura. Theo tập *Sāsana-vāyasa* (24 trước kỷ nguyên) những vị này được gọi là *Dhammarucis*. Học phái *Jetavanīyas* (Thắng lâm bộ) khởi đầu dưới triều đại Mahāsena. (325-352 sau kỷ nguyên) khi Tăng-Viện Jetavana được thiết lập. Tập *Sāsana-vāyasa* do học phái này với học phái *Sāgaliya* là một.

Điểm đặc biệt của danh sách *Mahāvūyutpatti* là những điểm tương đồng với các tập *Biên - niên - sử*. Danh sách trong tập sau này có lẽ xưa hơn, và ghi chép không những 18 bộ phái, mà thêm còn các bộ phái mới sau, 6 bộ phái ở Ấn-Độ và 2 bộ phái ở Tích-Lan.

Tập *Mahāvūyutpatti* bỏ qua 7 bộ phái đã cũ và vô nghĩa, và ghi học phái được thêm sau, trong danh sách 18 tên (trang 41). Chỉ có 2 tên không tìm thấy trong tập *Chronicles* (*Biên - niên - sử*) và có ghi chép 3 học phái Thượng-tọa ở Tích-Lan, một học phái Theravādis

chánh tông và học phái Dhammaruci và Sāgaliyas. Sự phân loại các học phái cho chúng ta rõ, đại cương của sự phát triển các học phái. Học phái rộng lớn nhất là Sasvāstivāda (nhứt thể hữu bộ), học phái này ban đầu và trong một thời gian khá lâu có những liên quan mật thiết với học phái Theravāda. Chúng ta không được biết phái đoàn truyền giáo của Ngài Malinda qua Tích-Lan thuộc về học phái nào. Phái đoàn không đem theo kinh điển viết nào và phải cho đến 2 thế kỷ sau, những kinh điển ấy mới xem là được chép thành chữ. Rất có thể có một cuộc biên tập chánh thức như vậy nhưng các kinh điển hiện nay chúng ta có, không phải là kinh điển được du nhập vào thế kỷ thứ ba trước kỷ nguyên. Chính chỉ là kinh điển của một vài học phái tự cho là Thượng tọa bộ, và kinh điển ấy được chuyển thành thổ ngữ của Thi-trấn kinh điển được đưa đến, thổ ngữ ấy chúng ta gọi là Pāli. Địa trấn ấy ở chỗ nào hiện nay vẫn còn bàn cãi. Ông Oldenberg cho rằng có lẽ thuộc Nam Ấn-Độ, tại nước Audhra hay Kalinga, nhưng lý thuyết ấy không hợp với những điều chúng ta được biết về các học phái Nam Ấn-Độ. Sự liên quan mật thiết với kinh điển Sarvāstivāda lại càng minh chứng học phái Pāli được phát triển ở một địa điểm phía bắc. Các sự tích thần thoại của kinh điển Pāli nói nhiều đến các Thi-trấn lớn Phật-giáo được thiết lập nhưng không một Thi-trấn nào thuộc Nam Ấn-Độ. Ông Franke dựa trên bằng chứng ngôn ngữ học cho rằng thổ ngữ ấy thuộc địa hạt Ujjeru. Ông Walleser và Geiger, với những bằng chứng sai khác và trái ngược cho là xứ Magadha (Ma-kiệt-dà), ông Girerson xem thuộc phía Tây-bắc thành trì của phái Mūla-Sarvāstidins Tóm lại tất cả các thuyết đều công nhận học phái Pāli là một hình thức của Các tôn Phật-giáo nhưng vì được truyền bá từ Tích-Lan qua Diên-Điện, Xiêm-La và xa hơn Ấn-Độ nên thường được gọi là Nam tôn Phật-giáo.

Những phân loại quan trọng đặc biệt của đạo Phật Nguyên-Thi về phương diện văn học là những học phái *Theravāda* (Thượng-tọa bộ), *Sarvāstivāda* (Nhứt thể hữu bộ) và *Mahāsanghika* (Đại chúng bộ), học Phái sau này do học phái *Lokottaravāda* của tập *Mahāvastu* làm đại biểu. Chính từ hai học phái sau cùng mà những xu hướng và lý thuyết mới của phái Đại-thừa cũng được nảy nở phát triển.

(Còn nữa)

# PHẬT - GIÁO INDONESIA

Của J. G. De CASPARIS

(Giảng-viên môn cổ sử Ấn-độ tại Đại-học - Đường Luân-đôn - Anh - quốc)

THÍCH TRÍ-CHƠN dịch

**N**HIỀU học giả cố gắng minh chứng rằng Phật-giáo du nhập Indonsia, nhất định do từ một vài miền ở Ấn-độ. Nhưng càng ngày những nhà nghiên cứu càng nhận thấy rõ là có rất nhiều tiêu quốc tại Ấn-độ xưa kia đã góp phần vào công cuộc phát triển đạo Phật xứ này. Còn Tích-lan (Ceylon) thì hầu như không dự phần bao nhiêu vào công việc bành trướng Phật-giáo ở Indonesia.

Thường ai cũng cho các pho tượng tìm thấy ở đây là tạc theo kiểu Amaravathi: pho tượng đứng với chiếc y quàng khắp hai vai. Nhưng hiện nay, ông Dupont lại quyết đoán rằng phần lớn các pho tượng ấy không phải tạc theo kiểu Amaravathi mà là Sinhalese (Tích-lan). Căn cứ vào những tượng này chứng tỏ Phật-giáo từ Tích-lan đã bành

trướng sang các vùng Đông-Nam-Á vào những thế kỷ đầu Tây lịch. Một vài pho tượng khác có lẽ tạc ngay tại địa phương, vì nếu du nhập từ ngoại quốc thì ai đã mang chúng vào Indonsia? Gần đây, ai cũng có ý nghĩ rằng không những chỉ văn hóa Phật-giáo mà cả văn hóa Ấn-độ được truyền sang Indonesia và các nước khác ở Đông-Nam-Á, ít nhiều đều do sự cố gắng thiệu chí của những nhà thực dân và giáo-sĩ Ấn-độ. Mặc dầu vậy, có nhiều vị

✧ *Indonesia (Nam-dương) là một quốc gia hợp thành bởi những đảo lớn như Sumatra, Java, Borneo Célèbes v.v. và nhiều đảo nhỏ khác. Diện tích 1.900.000 cây số vuông với dân số: 72.000.000. Thủ đô là Djakarta ở đảo Java. Những sản vật chính: gạo, bắp, sắn, đậu phụng, dừa, chè, cà-phê. Indonesia còn là nơi có nhiều mỏ thiếc và dầu hỏa.*

Theo Tân tiêu Tự-Điển Larousse  
Chủ thích của người dịch.

học giả Ấn-độ lại cả quyết rằng không phải người Ấn mà đúng hơn là do chính những người Indonesia đã đem văn hóa Ấn truyền vào xứ này trong thời kỳ họ qua lại giữa Ấn-độ-dương tiếp xúc buôn bán với Ấn-độ. Và dĩ nhiên trong địa hạt thương mại họ có thể liên lạc với nhiều miền chứ không phải chỉ lui tới một chỗ. Do đó có nhiều bằng cứ chứng tỏ nhiều người Ấn-độ đã (theo tàu buôn) sang các vùng ở Đông Nam Á để truyền giáo. Bằng chứng xác đáng nhất là vào khoảng thế kỷ thứ 5 sau Tây lịch. Gunavarman, con vua Kasmir (Ấn-độ) đã phát tâm từ bỏ cuộc sống sung sướng để ra ngoại quốc truyền bá Phật pháp. Vài thế kỷ sau, nhiều vị giảng sư Phật-giáo cũng từ Ấn-độ tìm sang những nơi Đạo Phật đã phát triển mạnh, và số đông họ được các nhà cầm quyền Indonesia thời đó thỉnh cầu. Đến khoảng hậu bán thế kỷ thứ 7, Phật giáo đã thành lập vững chắc ở Sumatra. Nhà du lịch Trung-hoa, ông I-Tsing xác nhận rằng phần nhiều Phật-tử Indonesia bấy

giờ đều theo phái Sarvastivadin (Nhất thể Hữu-bộ). Ông từng ca tụng nhiều về trình độ hiểu biết sâu xa đạo Phật của các Phật tử tại Sumatra đến nỗi ông đã khuyên những Phật-tử Trung-hoa, trên đường sang chiêm bái những Thánh tích Phật ở Ấn-độ thời ấy, nên dành ít nhất là vài tuần để ghé thăm nơi này.

Trong lúc ảnh hưởng của Phật-giáo Tiểu-thừa hầu như không có hoặc rất ít thì các giáo phái Đại-thừa lại phát triển mạnh từ cuối thế kỷ thứ 6 mãi đến thế kỷ 15. Người ta ngạc nhiên không hiểu tại sao Phật-giáo Đại-thừa được thịnh hành đến thế. Chúng ta cũng nên nhớ rằng không riêng Indonesia có hiện tượng này mà phần đông các nước Đông-Nam-Á bấy giờ đều như vậy. Có một vài giai đoạn, thiên hạ ngạc nhiên nhận thấy rằng Phật-giáo Đại-thừa ở Java đã hòa hợp chặt chẽ với những lễ giáo cổ truyền của Indonesia.

Điều đáng chú ý là ngay tại trung tâm Java có kiến

thiết một ngôi chùa giống chùa Abhayagiri ở Sinhalese (Ceylon). Dĩ nhiên chùa này không phải được di chuyển từ Anuradhapura (Tích-lan) sang Java. Như vậy, chắc rằng, Phật-tử ở Java, họ đã xây dựng tại đây một ngôi chùa hoàn toàn y theo kiểu chùa Abhayagiri.

Vào khoảng giữa hai thế kỷ thứ 7 và 8 (Tây lịch) có nhiều cảnh chùa đồ sộ được xây cất như chùa Ti-Sewn với 1.000 ngọn tháp (hiện chỉ còn 249 ngọn). Giếng tắm nhất là chùa Borobudur ở Java. Chùa này còn mỹ quan hơn chùa trên và nay được chính phủ tận lực chăm sóc duy trì.

Đến thế kỷ 15, vì sự xuất hiện của giáo phái Mật-tông, khiến cho đạo Phật chóng suy đồi ở Java (Indonesia). Nhưng nhiều người còn nghi ngờ, không hẳn tin rằng sở dĩ Phật-giáo bị sa sút mau lẹ Vào thời ấy là hoàn toàn do có giáo phái trên ra đời. Hơn nữa, còn một lý do rõ ràng khác bởi lẽ ở Indonesia thời đó, ai cũng quan niệm

cho Phật-giáo là một đạo quá cao siêu, chỉ dành riêng cho số ít người, không như Tích-lan, Miến-diện, Thái-lan là những nước mà Phật-giáo lúc bấy giờ rất được phát triển mạnh, phổ cập khắp quần chúng.

Sau hết, có một lý do nay cũng khá xác đáng bởi lẽ bán đảo Ấn-độ, nơi sản xuất nhiều hàng thực phẩm gia vị như ớt, hạt tiêu v.v... là những thứ người ta tiêu thụ rất nhiều vào thời ấy. Nên từ thế kỷ 15 về trước đồ gia vị được đa số người buôn và thường do tàu của những tin đồ Hồi-giáo chuyên chở. Họ đã xây cất ngay tại các hải cảng Ấn-độ nhiều cơ sở và về sau những vùng này biến thành những trung tâm để cho Hồi-giáo phát triển. Và hiện giờ thì nền Phật-giáo ở Indonesia đã được phục hưng, bành trướng mạnh mẽ với số tín đồ đông đến hàng trăm, hàng ngàn.

*Trích tạp chí « Phật-giáo thế-giới » (World Buddhism) số tháng 9-1961.*



La hô | Hồ khoan |  
 Xướng ghềnh lên thác cho ngoan  
 Vượt trên Hằng Thủy mệnh mang bến bờ  
 Năm dài tháng quạnh bơ vơ  
 Xưa chưa biết Giác bấy giờ vui ca  
 Kiếp lại kiếp Đám-Hoa lại nở  
 Cõi Sa Bà xứ xứ sầu đau  
 Hà sa bóng thoát vượn đầu  
 Ngắm bày chim lạ từ đâu hiện về  
 Chim kiếm chỉ Ca - Ti - La - Vê  
 A - Tư - Đà tướng sĩ (1) cùng sang  
 Đường xa muôn dặm xa gần  
 Mây bay khoát khoát chim thần đưa bay  
 Râu phất phới đưa bay tướng sĩ  
 Chim mây người bước nhẹ cùng sang  
 Dừng chân ai trước Kim sàng  
 Châu sa thắm áo mà than kiếp già  
 Không thấy giờ lảng nghe Thái - Tử  
 Phật đã thành Hoàn Vũ đầu tay  
 Chư thiên quý dưới chân Thầy  
 Hải nhi ẩm đó ngày mai sẽ thành  
 Đền lung linh minh minh trường dạ  
 Ngày theo ngày hải đã thành nhân  
 Gồm thấu sáng của dương trần  
 Vươn lên Bắc Đẩu mấy lần qua sông  
 Dây trùng trùng cha mong giữ lại  
 Cùng thế quyền tình ấy là hai  
 Băng khuâng đạo một gót hải  
 Trầm tư Thái Tử u hoài xa khơi  
 La Hô | Hồ khoan |  
 Xướng ghềnh lên thác cho ngoan  
 Vượt trên Hằng Thủy mệnh mang bến bờ  
 Năm dài tháng quạnh bơ vơ  
 Xưa chưa biết Giác bấy giờ vui ca  
 Bốn lần ra mộng hoa sực tỉnh

(1) Tướng sĩ: người xem tướng.

Cõi Vô Thường hoang lạnh chờ nhau  
 Đêm nghe tiếng thở hoa đào  
 Gió lò đáy huyết khác nào giai nhân.  
 Lệ mấy lần hành nhân Thái Tử  
 Đêm băng mình bóng ngựa từ ly  
 Ngàn năm vượt ải cầu thề  
 Tâm chưa đạt Giác không về quê hương.  
 Dặm cỏ trường sao bằng tâm nguyện  
 Bóng anh hùng một hiển ngàn sâu  
 Lê thê đưa gót u sầu  
 Thày qua lớp lớp tìm đâu sáng toàn  
 La hô ! Hồ khoan !  
 Xướng ghềnh lên thác cho ngoan  
 Sáu năm khổ hạnh mệnh mang mấy trùng  
 Xa thầy Tâm Xứ mệnh mông  
 Sáu năm sương tuyết mịt mùng cô đơn  
 Trường thôi rồi lại trường trường  
 Bóng người khổ hạc quyết đường Như-Lai  
 Vân lên mấy cừu trùng đải  
 Nhào sa để lý gót hải băng qua  
 Dầu ai vượt đỉnh tinh tào  
 Bầy theo bước bầy sáng lò Chấn Minh  
 Vô Minh lớp lớp tan tành  
 Hà sa thế giới nghiêng hình hình qua  
 Đầu ai vượt đỉnh tinh tào  
 Sát na rút trợn tiếng gà bay cao  
 Thần âm Bốn Đế dăng trào  
 Mười - Hai - Duyên ấy vòng sao vẹn tròn  
 La hô ! Hồ khoan !  
 Xướng ghềnh lên thác cho ngoan  
 Vượt tiên Hằng Thủy mệnh mang bốn bờ  
 Mệnh mông in bóng Đợi - Từ  
 Hồn xưa thắm đá còn như đến giờ  
 Năm dài thặng quạnh bơ vơ  
 Xưa chưa biết Giác bây giờ vui ca.

ĐÍNH CHÍNH: Bài « ánh mắt đi qua » Liên-Hoa số 6 « hà sa vệt  
 kiến qua rơi tằm lòng » xin đọc : « hà sa vệt kiếm qua rơi tằm lòng ».

# LUẬN TÂM DUY THỨC

Sọgn giả : THÁI HƯ ĐẠI SƯ

Dịch giả : THÍCH MẬT NGUYỄN

(Tiếp theo)

## 4. - Luận duy thức về chuyển hóa, biến hiện, duyên khởi và sanh hoạt.

Khách rằng: Tuy biết các hành tướng của thức, nhưng chưa rõ vì sao vũ-trụ nhân-sinh đều y thức biến, tất cả đều « duy thức »?

Luận rằng: Trước đây đã nói 8 môn thức và các tâm tánh hệ-thuộc, đều do sức nhơn của chủng-tử giữ gìn bên trong, cùng với sức các duyên đồng hiện bên ngoài, dung hòa kết dệt lưu chuyển sanh khởi. Lúc sanh khởi là đồng thời, đồng sự, một phần biến làm tâm-kiến năng-liễu-biệt, một phần hóa làm tâm-tướng sở-liễu-biệt; không khi nào có tâm-kiến mà không tâm-tướng, cũng không khi nào có tâm-tướng mà không tâm-kiến, lia ngoài đây ra không còn có gì khác. Cho nên các pháp sanh diệt và bất sanh diệt, những pháp thật-tế về tướng dụng, pháp giả dối về phân-lý, đều không ra ngoài tâm thức, nên tất cả các pháp đều « duy thức ».

Thế nào gọi là « duy »? Nghĩa là không có pháp nào lia ngoài tâm thức này. Lại nữa do tâm-kiến năng-liễu-biệt, chấp trước cùng khắp, chia chẻ các pháp rồi chấp lấy, đem tâm-tướng sở-liễu-biệt chuyển biến làm cảnh

hoạt động bóng dáng đờn chơi, tợ hồ có ở ngoài tâm, tức gọi là nhơn-sanh, vũ-trụ của thế-giới chủng-sanh, kỳ thiết chỉ tại tâm-kiến đời đời lưu động mà thôi. Ở nơi thức không phải là không, lia thức không phải là có, không có, không không, nên gọi là « duy thức ».

Khách rằng: Nếu cảnh vật đều do tâm-thức biến hiện mà có, cũng ví như hoa đào trước cửa sổ, sao không do tâm-thức biến hiện ở trong nhà? Sao không do tâm-thức làm cho hoa đào nở về mùa đông? nay quyết phải thời này chỗ này mới có hoa đào? Như vậy ngoài tâm thật có cảnh, không phải duy-thức chuyển biến, rõ ràng lắm. Vả hoa đào này, nếu tâm tôi đã biến ra, thì ông không thấy được, còn như tâm ông biến ra thì tôi cũng không thấy được. Cái thấy của tôi tức là cái thấy của ông, có thể biết hoa đào ấy không phải tâm tôi biến ra; Cái thấy của ông tức là cái thấy của tôi, có thể biết được hoa đào ấy không phải tâm ông biến ra. Hay nếu, tâm tôi đã biến hiện ra hoa đào, làm sao lại còn thấy ông và các vật khác?

Giã như hoa đào này do tâm ông biến, làm sao ông lại thấy tôi và các vật khác? Do đây có thể biết tôi và ông, hoa đào với bao nhiêu người vật, đều thuộc về cảnh thật có ở ngoài tâm, quyết định không phải do duy thức-tâm hóa hiện. Huống gì các cảnh vật này hiện có tác-dụng chứng-minh được, như nhà có thể ở, ghế có thể ngồi, áo có thể ấm, cơm có thể no, thì đâu được như những bóng giã dối đều do thức-tâm huyền-trưởng mà thành được ư?

Luận rằng: Chỗ nạn-vấn của khách đã xong, nhưng khách có lắng chiêm bao cùng 2, 3 người bạn lên trên núi Cô-Sơn chơi lối đạp tuyết, sầy chân ngã trên đá trơn, thất kinh tỉnh dậy, trong thân còn ần cảm giác cái đau vài ngày không?

Khách rằng: Có.

Luận rằng: Đương lúc khách chiêm bao, phải chăng đã xét nhận núi Cô-Sơn ở trong cảnh Tây-Hồ, đập tuyết đó là về mùa Đông? Chiêm bao ấy thật do tâm huyền thành ra, chứ không phải cảnh ngoài tâm có thật, nhưng nào tưởng không có sự quyết định thời gian với xứ sở ư? Những người bạn cùng đi, cùng lên núi, cùng xem cảnh, sở-kiến của khách trong chiêm bao cũng tức là sở-kiến người bạn của khách trong chiêm bao. Và trong chiêm bao khách thấy núi Cô-Sơn, cũng đồng thời thấy cảnh khác, như vật khác, khách trật chân bõ, khiến cho tỉnh dậy, còn có hiệu dụng ngâm đau, như vậy có thể thấy cảnh do tâm chuyển biến và những cảm giác xen nhau. Phạm mộng cảnh đã do tâm hóa hiện, thời vũ-trụ như-sanh rõ ràng đều « duy-thức » cả vậy.

Khách rằng: Lý tuy như vậy, ngặt vì những cảnh thật tại phạm minh hiện chứng, có sắc chất ở ngoài tâm, thì làm sao?

Luận rằng: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt thân 5 thức đều là thức y vào sắc-căn mà có, mỗi căn đều y vào thức của mình khởi ra mỗi mỗi tâm-kiến, tâm-tướng, còn thức thân chứng được kiến và tướng hiện rõ đó, thật đều không ra ngoài tự-thức mà có. Đương trong lúc hiện chứng, cảm giác ngầm thông với nhau, tâm không có trong ngoài, làm sao chấp được cảnh ngoài tâm. Nhưng đến khi chuyển vào thức y ý-căn, thời vọng sanh phân biệt, liền chấp làm ngoại cảnh. Cảnh chơn-hiện-lượng thật chỉ duy tâm tướng của tự-thức, nhưng vì ý-thức từ vô thỉ đã tập-quan theo danh-ngôn, không phải sắc hình như có sắc, không phải ngoài hình như có ngoài, hiện những cảnh như trong chiêm bao vậy.

Khách rằng: Nếu cho cảnh lúc tỉnh đồng cảnh chiêm

bao, vì có gì người đều biết được cảnh chiêm bao là duy-tâm, không biết cảnh lúc tỉnh là duy-thức?

Luận rằng: Chính trong lúc chiêm bao chưa tỉnh, có ai biết được cảnh chiêm bao là duy-tâm đâu? Cho đến lúc hạt tỉnh cũng có ai biết cảnh tỉnh là duy-thức?

Khách rằng: Nếu cảnh thật ngoài tâm đều không, thì hức cũng không làm sao có riêng được?

Luận rằng: Thức không có riêng, nhưng vì bao nhiêu niệm hữu đều không lia thức, nên gọi « duy-thức ». Nhưng chỉ làm cho « không » được cái chấp cảnh có ngoài tâm, mà không làm cho « không » được các pháp tức là tâm, bởi vì chánh-tri ly-ngôn đề chứng được tánh chơn-duy-thức, không phải là không vậy. Cái « không phải không » ấy là thức-tâm luôn lữ nối nhau chuyển biến cũng không phải là không, cho nên những cảnh ngoài tâm tuy không có, nhưng thức không phải là không.

Khách rằng: Thức đã không phải không, lẽ ra phải có thức khác đề vin lấy, thức khác tức là những cảnh ngoài thức của ta, đã có ngoại cảnh này làm sao được gọi là duy thức?

Luận rằng: Tuy có thức khác, nhưng cảnh sở-duyen thân thiết của thức, lại chỉ là những tướng của tự-thức chuyển biến ra, nhưng gián tiếp cũng y thức khác làm bản-chất mà thôi. Nay gọi là luận « Tân-duy-thức », cũng có thể gọi là luận « Đa-nguyên duy-thức ». Đem chánh-tri khế-chứng tánh chơn-duy-thức, tuyệt dứt lời nói và ý nghĩ, không một không nhiều. Nếu lấy tướng như huyền của duy-thức mà nói, không phải dùng một thức mà gọi là duy-thức, mà là có 8 thức-thể tóm thâu vô lượng vô số hữu-tính chúng sanh, và những tâm tánh tùy thuộc, hòa hiệp với các thức, cùng với những tâm-kiến tâm-tướng của thức-tâm này chuyển biến, thức-tâm này biến ra từng

món phân-lý và giới-vị, cùng với chơn-tánh như-thật lý tướng của các pháp hiện lộ ra, nên nói tóm là « duy-thức » vậy. Sở dĩ gọi là « duy » không phải vì có một, mà vì trừ hết tâm hư-vọng phân biệt chấp cảnh thật có ở ngoài thức. Những tánh hàm-dung cảm-ứng của các thức, duyên khởi vô tận, do trói buộc thành giải thoát, do tạp-ô thành thuần-tịnh, do thiên lệch thành viên-mãn, do thô-ác thành diệu-thiện v.v... đều là thức-tâm này hoạt bác vô-trú trong pháp-giới, như biển cả khơi khơi lộng lộng không ngăn mé vậy.

Khách rằng: Nếu chỉ có nội-thức, đều không có thật cảnh ngoài tâm dùng làm nương cậy, thì vũ trụ nhơn-sanh đều do tâm-kiến hư vọng phân biệt hiện ra, vậy những món phân biệt ấy đều từ đâu sanh khởi?

Luận rằng: Thức « tri-chủng-nguyên » (tàng thức) có vô lượng vô số công lực sai biệt đều hay thân sanh tự quả của từng thức, sanh khởi luôn lũy quả lưu-chú-hóa, quả sanh-mạng-hóa, quả tác-dụng-hóa, quả lãng-thành-hóa. Từ lúc sanh khởi, lần lần thiên biến đến lúc thành thực. Cứ từng loại kết dệt không dứt, chuyển biến vô lượng; sức chuyển-hóa biến-hiện sanh khởi của các thức lại cùng giúp đỡ nhau làm duyên lực, lần lượt thông hóa nhau khởi nên các phân biệt. Tất cả tâm-kiến tâm-tướng không ngoài năng phân-biệt và sở phân-biệt, tất cả những giống loại phân-biệt này, đều y theo sức chủng-nguyên của bản-thức với sức hiện hạnh của các thức giúp đỡ, liền được sanh khởi, thật không cần có thật-cảnh ngoài tâm làm chỗ nương cậy vậy.

(còn nữa)

*Vì có nhiều bài cần đăng kịp thời, nên chúng tôi xin tạm nghỉ bài « Lược khảo các tôn phái trong Phật giáo » một kỳ. Mong quý độc-giả hoan hỷ.*

# THƯA SƯ CÔ

LIÊN TÂM

THANH rón rén đến áp má vào khe cửa nhìn vào trong liêu. Nhưng, vừa mới chạm mặt vào, thì cánh cửa bật tung; Thanh loạng choạng ập vào. Té ra cửa không đóng. Hoảng hốt, Thanh nhìn quanh: im lặng. Gian phòng về buổi chiều, thiếu ánh sáng. Lăn vào thấy tủ sách vương bụi Thanh lấy khăn lau mấy tấm kính. Trông chuỗi «bạch ngọc trai» vẫn nằm chỗ cũ, bất di bất dịch. Tượng đức Quán-thế-Âm đặt đúng chỗ gây thêm đức tin. Bộ Phật-học Đại-từ-điển sồn gáy chứng tỏ nó không được mấy yên thân. Mấy bộ luật, sách, báo ngăn nắp, thứ tự như đong được điều khiển bởi một bàn tay quy củ. Thanh liên tưởng đến tủ sách ở nhà, bề bộn, lộn thối... Triền miên trong ý nghĩ ấy, Thanh vô tình làm rơi chuỗi «tinh nguyệt bồ đề» xuống đất. Sau khi an vị tràng chuỗi, Thanh lau qua cái bàn sắp lại quyển Tự-điển Hán-Việt vùi quên sách Phật-giáo viết bằng Anh-văn, rồi qua chiếc tủ nhỏ. Đến đây Thanh chịu không đọc ra vì hầu hết là chữ Nho. «Chắc là của Thái-Hư đại-sư». Thanh nghĩ thộm như thế. Đã có lần Thanh thấy anh của Thanh cũng khoe một quyển sách như thế và cũng đã có lần Thanh bắt anh phải dạy nhất, nhị, tam cho Thanh... việc này qua việc khác. Thanh quét gian phòng, cái hiên và theo đà chổi, Thanh nhìn ra phía trước chùa... «A!» Tiếng a! của Thanh làm quay mình người ngồi trước hiên chùa: Té ra Sư-cô. Thanh gác tạm chổi vào vách chọi ra.

— Mỗi lần lên là mỗi lần công đức! Thanh của cô ngoan quá nhỉ! không ra dáng sinh viên chi hết!

Thanh đến ngồi cạnh Sư-cô, nhìn quanh chùa:

— Ở đây đẹp quá, cảnh vật yên tĩnh, hòa đồng. Con có cảm tưởng ở đây không khí «Thiên địa vạn vật nhất thể» đang ngự trị. Dưới con, cũng tường cao, cũng công kìn nhưng tiếng xe cộ luôn thanh như khi nào cũng báo hiệu một cuộc sống xô bồ bên ngoài, thành thử không mấy khi con hưởng được sự yên tĩnh tâm hồn.

Rồi như nhớ ra điều gì, Thanh đứng dậy:

— Thưa Cô, bữa trước, câu chuyện đang đến chỗ... «Cải cách Phật-giáo...»



— Không phải « cải cách » mà là công cuộc chấn hưng. Nghĩa của hai từ ngữ ấy khác nhau xa : Cải cách (réforme) là có ý thay đổi từ trong căn bản mà chấn hưng (restauration) là sự phục hồi lại những gì lệch lạc.

— Thưa Cô, sở dĩ con nói cải cách là vì học đến lịch sử Thế giới, con có nghe đến cuộc « cải cách tôn giáo » bên trời Tây do Luther đề xướng.

— Ừ, đó mới là một cuộc cải cách, nhưng có đầu gián dị như thế. Sở dĩ có cuộc cải cách ấy...

*Sư-cô dừng lại, đặt bàn tay mình lên tay Thanh nhìn thẳng vào Thanh.*

— Ta nên nói việc nhà thì hơn. Nói đến phong trào chấn hưng Phật-giáo Việt-Nam.

*Thanh nắm lấy tay Sư-cô áp lên má, van lơn :*

— Nhân dịp này Cô cho con biết việc cải cách tôn giáo đề con có dịp đối chiếu, so sánh việc làm của đôi bên. Hơn nữa, chỉ « biết mình » không thôi chưa đủ, con muốn « biết người » nữa chứ !

— Ồ, con nên biết biến động « Luther » không phải là nguyên nhân mà là kết quả. Nguyên nhân của nó manh nha từ đầu thời Trung-cổ với các thuyết Arius, Pélagé nảy mầm rồi đâm chồi với những Arnaud, nhưng nhóm Albigeois, nhóm Vaudois, nảy lộc với những Wycléf, Jean Huss đề kết trái trong thời với Luther, Calvin chạy dài đến nhóm « Libertins » sau thế kỷ XVII và gây ảnh hưởng đến hiện đại với tư trào vô thần Feurbach, Nietchze, Karl Marx, Sartre v. v. . .

— Thưa Cô thế thì quả thật là một rạn nứt ghê rợn dài đặc từ thế kỷ này qua thế kỷ khác mà con nghe đầu máu đổ ra không ít, những sự tàn sát, giết chóc của những trận thánh chiến thật ghê rợn.

— Ừ, quả có thế. Kể lại lại lịch ấy từng chi tiết thì không biết mấy giờ cho hết. Đề những lần khác, Cô sẽ đề cập đến những nhà viết sử cho rằng sự cải cách của nhóm Albigeois do sự nhập cảng của tư tưởng Á-Châu (D'impotation Asiatique) hay bị ảnh hưởng do những làn sóng Đông-phương, Phật, và Á-tập đến từ Bulyarie và Ecpagne. (MarcSemenoff).

— Thưa Cô, có lẽ thì phải có khối, nguyên nhân vì đâu mà có cuộc cải cách ấy? Con chỉ xin nói đến cuộc cải cách vĩ đại hay nói đến biến động Luther!

— Nguyên nhân thì có nhiều. Tựu trung Jésus Christ là giáo-chủ. Nhưng:

1.— Tôn chỉ lập giáo chỉ chứa đựng trong Cựu và Tân-ước. Những lễ đạo không diễn tả được đầy đủ nên phải tìm cách khai triển mà đặc sắc nhất là Augustin Thomas D'Aquin Lnafranc và Ansèlme mượn triết-lý của Aristote Platon để thiết lập triết-lý kinh viện (Philosophie Scolatique). Ngoài ra, Hội thánh còn phải tổ chức những hội-công-luận (Concile) để làm sáng lễ đạo như Hội-công-luận Nicéc tranh luận về nhân-tánh và thần-tánh của Christ, hoặc hội công luận tại E-phê-sô tranh luận về nhân tánh và thần-tánh của Maria, mẹ Jésu. Những quyết định của hội-công-luận gọi là « Canon Œcuménique ». Con thú nghĩ ngay trong bản chất tôn-giáo đã có sự bất đồng vì tư tưởng không duy nhất, làm sao tránh khỏi sự tranh đua. Những thêm thắt, những khai triển có khi làm sai lạc tinh thần nguyên-thỉ. Và là nguyên-nhân chính của cải cách.

2.— Sự lạm dụng của Giáo-hoàng và Giáo-sĩ. Ba tệ đoan đã thúc đẩy các cuộc cải cách tiến mạnh là: sự phong nhiệm, những người thế tục (Investiture laïque) việc bán chức thánh (Simonie) và bầu đoàn thể tư của hàng giáo-sĩ cho đến cả Giáo-hoàng. Thêm vào đó Giáo hoàng và Giáo-sĩ không lo việc đạo mà nhúng tay vào chánh-trị, vào chinh-chiến, sống đời sống xa hoa bất hạnh hàng giáo dân phải sưu cao thuế nặng. Các Giáo-hoàng lại giành dựt nhau địa vị dựa vào các thế lực chính-trị gây nên tình trạng ly-giáo (Schisme): 2, 3 Giáo-hoàng một lần khuyhn loát nhau.

3.— Cải tổ của TIN-LÀNH (protestantisme) nhằm chủ yếu trở về với Nguyên-thủy Cơ-đốc, đặt quyền tự do phán đoán (libération) về đức tin và chỉ chấp nhận một quyền năng tối thượng: quyền năng của Thánh-kinh (nghĩa là không công nhận chế độ Giáo-hoàng, Giáo-sĩ) vì cho rằng: « Thần tính được đề ra như mục đích cho mọi người đạt đến. (La sainteté est proposée à tout les homme. Le but à atteindre) chứ không phải dành riêng cho hàng Giáo-sĩ mà thôi.

Xem đó thì con thấy được rằng cuộc cải cách tôn giáo Tây-phương là cuộc cải cách toàn diện: về triết-lý, về tổ chức, về nhân sự hành đạo... và đã gây nên nhiều đạo quân Thập-tự, nhiều tòa án tôn-giáo (Inquisition). Nhiều hội-công-luận chỉ đề lên án, đề dứt phép thông công, đề hòa thiêu... đối thủ. Như Concile de Constance biểu quyết quật mồ Wicléf lấy hài cốt đề thiêu đốt và đồ tro xuống sông Avon; xừ thiêu Jean Huss và Jérôme... Trong lúc đó, phong trào chấn

hưng Phật-giáo ở Việt-Nam là do trào lưu chấn hưng Phật-giáo Á-đông và đặc biệt là ảnh hưởng cuộc vận động phục hưng Phật-giáo của Trung-hoa do ngài Thái-Hư đại sư đề xướng.

— Ngài Thái-hư đại sư là ai thế thưa Cô?

— Chỉ một câu hỏi này thôi cũng đủ mất hàng giờ để trả lời cho con. Thái-hư là một vị đại sư của thế-kỷ không những có công chấn hưng Phật-giáo Á-châu mà còn có công hoằng dương chánh pháp ở Âu-mỹ — Ngài đã nhiều lần thuyết pháp ở Pháp và ở Mỹ nữa.

« Bộ Thái - Hư toàn thư » có thể chất đầy một tủ và đã phiên dịch ra nhiều thứ tiếng. Con vào lấy quyển Buddhism của Humphrey và xem hình của Ngài (số 14 trang 140). Do cuộc tân vận động của Thái-Hư Đại-sư mà ở Việt-Nam đã ra đời trước nhất là hội Nam-Kỳ nghiên cứu Phật-học ở Sài-gòn (1931 kế đó là hội Lương-Xuyên Phật-học, vào năm 1935. Đề truyền bá giáo-lý, hội Nam - Kỳ nghiên cứu Phật-học, đã cho phát hành TỪ BI ÂM. Phật-học Lương-Xuyên có tờ DUY TÂM, những sự cố gắng đầu tiên này thật đáng kể. Cùng với tờ Viên - Âm ở Trung - Việt, các cơ quan ngôn luận Phật-giáo này đã thổi một luồng gió phục hưng mãnh liệt. Không phải chỉ chừng ấy đâu: mấy tờ PHÁP - ÂM, TIẾNG - CHUÔNG-SỐM cũng đã góp tiếng nói của mình nhưng lẻ tẻ, không gây được ảnh hưởng bao nhiêu. Nhưng con nên nghĩ rằng « Vận sự khởi đầu nan », những sự cố gắng ban đầu cần phải được tuyên dương và ghi vào lịch sử Phật-giáo.

— Thưa Cô, thế thì mấy Hội ấy nay có còn không mà con ít nghe tăm tiếng?

— Hai hội ấy hành động được một thời gian khá dài cho đến khi chiến tranh bùng nổ trên đất nước thì phải ngưng hoạt động. Cho đến năm 1950, hội Phật-học Nam-Việt mới được thành lập để tiếp tục hướng dẫn Hội-hữu ở miền Nam. Ngôi chùa Xá-Lợi do hội này kiến tạo.

— Ở Bắc-Việt?

— Ở Bắc-Việt, thì như con biết là nơi tập trung nhiều tinh hoa Phật-giáo: Chùa Một Cột, Tháp Báo-Thiên, Chùa Hương-Tích v.v... năm 1934, hội Việt-Nam Phật-giáo Bắc-Việt ra đời. Tờ báo Đuốc-Tuệ là cơ quan truyền bá của hội này đã ghi nhiều thành tích xứng đáng. Hội đặt trụ sở tại chùa Quán-Sứ Hà-nội:

— Xin phép Cô cho con được đặt một câu hỏi.

— Ờ, chắc con hỏi về số phận của hội này sau hiệp định Genève chứ gì?

*Thanh lặng thinh, cúi đầu.*

— Trong phong trào di cư vào Nam, đã có một số đông nhân viên của cấp Trị-sự Bắc-Việt và Hội-viên vào Nam nên hội lại tiếp tục hoạt động với danh nghĩa. « Hội Việt-Nam Phật-giáo Bắc-Việt tại Miền-nam » và đặt trụ sở tại chùa Phước-Hòa, khu Bàn - Cờ Sài-gòn. Còn về hội Phật-giáo Việt-Nam tại Trung-phần thì Cô đã nói chuyện với con rồi. Nay giờ, Cô chỉ mới nói đến các tập đoàn Cư - Sĩ là những hội của những người tại gia. Còn có 3 tập đoàn « Giáo - hội Tăng-Già nữa ».

— Cơ quan của quý vị Tăng, Ni?

— Chính đó. Song song với các hội Cư - Sĩ, có các Giáo - hội Miền-Trung có Giáo-hội Tăng - Già Trung - Việt mà lãnh đạo về mặt tinh thần là Hòa-thượng Tịnh-Khiết (1) (Pháp - chủ). Về mặt Quản-trị, có Tổng-Trị-Sự Giáo-hội Tăng-Già Trung-Phần đặt trú sở tại chùa Linh-Quang. Chùa này hiện đang được trùng tu lại để đáp ứng nhu cầu của một cơ quan hoàng dương rộng lớn toàn cõi Trung-nguyên và Cao-nguyên Trung-Phần. Thống thuộc trong Giáo-hội Tăng-Già, có Ni-bộ và trú sở đặt tại chùa Sư-nữ Diệu-Đức. Trường Hàm - Long là cơ quan giáo - dục của Giáo - hội đặt trong khuôn viên chùa Báo - Quốc. Hiện nay, tại các tỉnh đều có cơ sở của Giáo-hội Tăng-Già, các chùa Sư-nữ... Số chùa chiền của Giáo-hội nhiều không kể xiết... Trước đây, tờ báo Liên-Hoa là cơ quan Hoằng-pháp của Giáo - hội Tăng-già Trung - Phần nay được chuyển qua Giáo - hội Tăng - Già Toàn - Quốc.

— Ở trong Nam?

— Trong Nam, có Giáo-hội Tăng Già Nam-Việt đặt trú sở tại chùa An-Quang, đường Sư Vạn-Hạnh. Cơ sở của Giáo-hội Tăng-Già Nam-Việt cũng rất lớn. Phật-học-đường An - Quang đã ghi lại nhiều thành tích quan trọng. Vào An-Quang, con sẽ thấy một lễ lối tổ chức quy mô chẳng kém gì Phật-học-viện Nha - trang. Cảnh đó, có nhà in Sen-Vàng. Chùa Từ-Nghiêm, cơ quan của Ni-chúng Nam-Việt được kiến thiết đồ sộ, huy hoàng gần như Xá-Lợi.

Có dịp đi thăm các cơ quan Phật-giáo, con sẽ thấy phong trào

(1) Cũng thường gọi là Hòa-Thượng Tường-Vân.

chấn hưng Phật-giáo thật sâu rộng... Sau khi Ngài Thượng-thủ Giáo-hội Tăng-Già Nam-Việt tịch, chưa có vị nào thay thế. Về phía Bắc-Việt, Giáo-hội cũng có mặt tại miền Nam, đặt trú sở tại chùa Giác-Minh, đường Phan Thanh-Giản Sài-gòn. Ngoài cơ quan tập hợp quý vị Tăng Ni Bắc-Việt ra, Giáo-hội có lập thêm Gia - đình Phật - tử mà số lượng Gia-đình họ « Giác » cũng khá đông.

Như thế, con thấy được phong-trào chấn-hưng Phật-giáo được nhiệt liệt hoan nghênh đến chừng nào! Cả một sự trời dậy mãnh liệt tiềm tàng từ lâu được cờ bột-phát... Các phong-trào chấn-hưng tuy cùng diễn ra trong một thời nhưng mới riêng rẽ trên hình-thức, trong tổ-chức ở mỗi phần, mỗi kỳ... .

— Thưa Cô, sao không hợp nhau làm một mỗi vì theo con, tinh-thần chấn-hưng vẫn theo một đà, vẫn phát-xuất từ những nguyên-nhân tương đồng?

— Đã có lần Cô nói với con: Hoàn-cảnh chính-trị đã không cho phép chúng ta hợp nhất. Thực-dân có bao giờ muốn cho tinh-thần Phật-giáo hợp nhất khi chủ-trương của họ là « chia để trị! » và làm tê liệt những gì được gọi là tinh-thần quốc-gia! Còn những khía cạnh khác nữa mà Cô không tiện nói ra, để con tự suy nghiệm, tự nhìn vào thực-tế và nhìn vào lịch-sử để cảm nhận thôi.

Nhưng rồi, đến năm 1951 « Phật-giáo Thống-nhất » được đề cập tới. Qua lời hiệu-triệu của đại-diện các Tập-đoàn, một hội-nghị được triệu-tập gồm 51 Đại-biêu của 3 phần hợp tại Từ-Đàm trong dịp Phật-Đản 1951 đã kết chặt ý-chí Thống-nhất Phật-giáo và đề ăn nhip với Hội Phật-giáo Thế-giới mà Hội-nghị đầu tiên được triệu tập tại Colombo năm 1950. Phật-giáo Việt-nam chỉ như một người và Phật-giáo Thế-giới là một nhà! Con nên biết thêm Phật-giáo Việt-nam là một Chi-hội sáng lập của Phật-giáo thế-giới đấy nhé! Trụ-sở của Tổng-hội Phật-giáo Việt-nam, trước đặt tại Huế, sau được thiên về Sài-gòn đặt tại Chùa Xá-Lợi. Từ ngày Thống-nhất, Phật-giáo Việt-Nam đã góp phần xây-dựng Phật-giáo Thế-giới không ít. Và các nhân-vật quan-trọng của Tổ-chức Phật-giáo Thế-giới đến thăm viếng Việt-nam cũng nhiều. Nào các cuộc tiếp đón đại-dức Narada, đại-dức Mangyala, đại-dức Diên-Bồi, Khema v.v... Những sự thăm viếng của vị nguyên chủ-tịch P.G.T.G. Malalasekera, hay của Ô. Richard A Gard của Rwami Premananda và gần đây phái đoàn Phật-giáo Thế-giới dưới sự hướng-dẫn của tân chủ-tịch U.Chan-Htoon đã thắt chặt sự liên-lạc Phật-giáo Việt-nam với Phật-giáo Quốc-Tế.

— Thưa Cô, sự liên-lạc giữa Phật-giáo Việt-Nam với Phật-giáo Thế-giáo có như Tòa thánh La-mã (Vatican) với Thiên-chúa-giáo hoàn cầu không?

— Khác xa, con ạ, khác từ hình-thức đến tinh-thần.

— Thế là nghĩa thế nào, thưa Cô!

Ồ, dài dòng lắm con ơi! và không ăn nhịp gì với câu hỏi của con cả.

— Lâu thay, Cô gợi lên cho con một ý-nghĩ làm cho con phấp phồng . . .

— Dịp khác. Phật-giáo linh-dộng lắm vì Phật-giáo là « sự sống ». Nhập vào một địa-phương nào là « đồng sự » với địa-phương ấy. Con nhớ đây nhé: « đồng sự » chứ không phải là « đồng hóa ». Do đó, mà Phật-giáo chứa đựng cả dân-tộc tính, ăn khớp với tâm tình địa-phương nhưng bản sắc giáo-lý vẫn nguyên vẹn . . . Cho nên, từ văn-chương, kiến-trúc, cho đến cả tập tục, Phật-giáo đều len vào để tạo nên một tinh-thần. Phật-giáo đến đâu, tự nó đã được đón nhận rồi. Không dùng chính-trị, không cầu viện đến quân-sự, cũng không vướng bận ý-nghĩa khuynh-loát để dọn đường cho việc truyền bá . . . Cho nên Hội Phật-giáo Thế-giới không phải là một cơ-quan chỉ-huy độc-đoán mà mọi hội-viên Phật-giáo trên thế-giới phải cúi đầu tuân lệnh, mà chỉ là một cơ-quan liên-lạc thắt-chặt ý-chí và tình tương-thân để hoằng-dương Chánh-pháp Phật-Đà. Nếu con muốn biết sự sai biệt thì đó là sự sai biệt căn-bản.

*Sư cô dừng nghĩ, đi khoan thai dạo quanh vườn hoa. Vài chiếc lá vàng rơi. Bầy chim sẻ trên mái hiên tung tăng nhảy nhót kêu nhau về tổ. Nắng chiều đọng lại trên lá ngập ngừng chưa muốn tắt. Thanh tự lự, ngồi yên trên thềm hiên nhìn theo Sư-cô. Một tiếng chuông ngân. Thanh ngoảnh lui. Các Ni cô đã vào diện Phật tự bao giờ. Màu vàng của y điệp với nắng chiều hiên dụ. Tiếng tụng kinh lan ra nhịp đều với tiếng mõ.. Sư cô nhìn Thanh mỉm cười, Vuốt lại mái tóc, sửa lại nếp áo, Thanh từ từ vào diện cung kính dẫn lễ.*

# VƯỜN THƠ ĐẠO - LÝ



NHẤT-NHU PHỤ TRÁCH

*CHUA* bao giờ nổi buồn về cuộc đời đến với Người Thơ chúng ta nhiều như hôm nay. Nỗi buồn đó không phải là một thoáng nhớ nhung của tình yêu, hay niềm băng khuâng trước chút nắng vàng vương trên mái tóc. Nỗi buồn của Người Thơ chúng ta hôm nay là nỗi buồn khắt khe về thực tại, về sự mõi mòn của cuộc sống, về thân phận bi đát, về giới hạn vũ-trụ vô cùng...

Những cánh hoa gọi về *VƯỜN THƠ ĐẠO LÝ* lần này phảng phất những niềm ưu tư đó. Chúng tôi muốn giới thiệu cùng bạn những cánh hoa đầu vườn mà hương sắc, theo với ngày tháng, sẽ làm cho chúng ta hài lòng hơn: *NGỌC-LAM-HUYỀN* và *NGÔ-HOÀNG - PHI*.

Này đây, mời bạn đi vào *NỖI BUỒN BUỒI CHIỀU*:

Áp đôi môi mộng đỏ  
Lên trang giấy màu xanh  
Nghe linh hồn rạn vỡ  
Dòng lệ thấm long lanh

Chiều dần xuống đó đây  
Đám mây tím bay bay  
Con chim sầu lạc hướng  
Có phải đời ảo tượng?

Một cơn gió mơn man  
Mái tóc buông mơ màng  
Chuông chùa đâu nức nở  
Mùi đạo lý chưa tan

.....

NGỌC - LAM - HUYỀN

Cùng với nỗi buồn hồn thơ thật là mênh mông. Tôi yêu nhất đoạn 2 :

**Chiều dần xuống đó đây**

.....

**Con chim sầu lạc hướng**

**Có phải đời ảo tượng ?**

Hình ảnh đó, giúp ta dễ dãi với một thứ kỹ thuật chưa được cân nhắc. Tôi không yêu giọt lệ vừa « long lanh » « thấm ». Tôi cũng không yêu tiếng chuông chùa vừa « nức nở » vừa mang sắc thái đạo lý bình an. Thi ca chỉ là những nét rung động. Linh hồn của bài thơ chỉ độc đáo khi nội dung không tách rời được hình thức, khi âm thanh và màu sắc trong phần kỹ thuật được sử dụng hợp lý, bàng bạc theo cảm xúc trong thơ...

NGÔ - HOÀNG - PHI đưa ta vào một thực tại chua chát hơn, một sự thật nghìn đời không chối cãi :

**Quay gót lại con thấy mình tủi hổ**

**Soi gương trong da mặt đã nhăn nhiều.**

**Vì hoa niên con với đuôi tình yêu.**

**Chân đã mỏi, niềm ưu tư đã mất**

Váng, cuộc đời, nói cho có vẻ thơ, chỉ là một chút nắng vàng vương đầu bụi cỏ. Trong ta, mỗi phút giây, thời gian cướp đi bao nhiêu là hương sắc. Cho nên :

**Xin thú, thật, giữa đêm trường con khóc**

**Nước mắt con sao lại lóng chảy hoài**

**Nước mắt con sao mãi mãi không rơi**

**Sao vẫn thấy cuộc đời cô độc quá...**

Tôi yêu đoạn một nhiều hơn đoạn hai, không phải ở giá trị triết lý, ở thái độ phản tĩnh mà ở chỗ nội dung nằm trong kỹ thuật Những « đêm trường », « nước mắt lại lóng chảy hoài », « không rơi » trong đoạn hai chỉ là những sáo ngữ, phù từ, công thức ước lệ, cũng « đồng bệnh » với « lệ thấm », « nức nở », « mơ màng » của Ngọc-Lam-Huyền trong **NỖI BUỒN BUỒI CHIỀU** đã trích ở trên.



Tuy nhiên, cùng với triển vọng, NGỌC - LAM - HUYỀN và NGÔ-HOÀNG-PHI sẽ góp cho vườn thơ đạo lý, những cánh hoa mỗi ngày mỗi giàu hương sắc.



Nỗi buồn trong thơ ngày nay hình như là một thời bệnh. Ảnh hưởng của một phong trào văn nghệ hiện sinh như lúc bấy giờ, con người trở nên ưu tư về cuộc sống, tự ý thức về mình và cảm thấy cô đơn. Những nỗi chán nản hiện sinh là nỗi chán nản triết lý, chán nản đề tự quyết, đề vươn lên chứ không phải là một thứ than khóc tiêu cực.

Người văn nghệ Phật-giáo không phải đến hậu bán thế kỷ thứ 20 này mới nhận thức sự lầy lưa của cuộc đời, sự phi lý của giới hạn, sự phóng thê của ý thức, và trách nhiệm cá nhân trong việc thăng tiến con người đề vươn xa, và vươn cao lên siêu việt. Từ lâu, nền triết học vĩ đại của Phật-giáo đã gói trọn những cái nhìn phiến diện, tuy sâu sắc, của một Schopenhauer, một Kant, một Hegel, một Husserl, một Jaspers, một Sartre...

Xử dụng niềm ưu tư không phải cách người Thơ Phật - giáo chỉ trở về những tiếng kêu chán nản mà Ôn-Như-Hầu đã một lần ai oán:

**Nghĩ thân phù thế mà đau**

**Bọt trong bề khô, bèo đầu bến mê...**

Người văn nghệ Phật-giáo không chối bỏ cuộc đời, không thoát ly cuộc đời và cũng không than khóc cuộc đời. Đừng khước cho Phật-giáo chiếc áo tiêu cực, yếm thế mà từ lâu một số người đã ngộ nhận.

Hy vọng rằng, VƯỜN THƠ ĐẠO LÝ sẽ đón nhận những cánh hoa mang đầy hương sắc truyền thống Phật - giáo trong một ngày gần đây.

# X Á V Ệ

(Savoasti)

Trích Đường về xứ Phật.

THÍCH THIÊN-CHÂU

(Tiếp theo)

Đại đức nói thêm:

« Chính nhờ sự quy - ngưỡng của vua Ba-Tư-Nặc mà chánh-pháp được phổ cập một cách mau chóng khắp lãnh thổ nước Kosala lúc bấy giờ ».

Mặt trời lên cao, chúng tôi phải trôi xuống và tiếp tục đi. Câu chuyện quy ngưỡng của vua Ba-tư-nặc và những lời thuyết pháp hợp cơ của đức Phật làm cho chúng tôi liên tưởng đến một vài trường hợp trong lịch-sử Phật-giáo Việt-nam và quốc-gia Việt-Nam.

Những thời kỳ quốc-gia Việt-nam được an trị và hiền hách về chiến công cũng như văn học chính là những thời kỳ Phật-giáo thịnh hành. Vua chúa biết tu tâm dưỡng tánh, có lòng thương dân; dân chúng tôn trọng đạo đức, quên tình riêng, nghĩ đến nghĩa chung. Ấy là những triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần. Trái lại những lúc vua chúa hoang dâm vô độ, tham quyền cố vị, nếu có nghĩ đến đạo-giáo cũng chỉ để tế tự cầu phúc cho mình và thần dân ham chuộng danh lợi hiểm khích tư thù nếu có học đòi văn chương đạo đức cũng chỉ để mưu lợi và tiến thân thì chính là lúc nước nhà phải gặp nhiều tai loạn. Ấy là những triều đại Long - Đĩnh, cuối Trần, Trịnh Nguyễn v.v..

Chúng tôi nghĩ thêm: « Bồn phận đầu tiên của những người lãnh đạo là phải thật có đạo đức, thật tâm tìm hiểu những tôn giáo hiện hữu trong nước và khuyến khích dân chúng lựa chọn và thật sống theo những đạo giáo chọn

chánh. Sự kỳ thị tôn giáo nơi những hành-chánh là một nguyên nhân lớn lao của sự chia rẽ dân tộc. Chiến-tranh tôn giáo hoặc nóng hoặc lạnh đều nguy hại cho đoàn-kết dân tộc và chủ quyền quốc-gia. Trái lại, sự thật sống theo tôn giáo của dân chúng giúp cho nhà cầm quyền một nửa công việc trị an, nhất là về sự kiện tụng. Sự khác nhau về tôn giáo của dân chúng không đáng lo ngại mà nên sợ những người không sống đúng theo lời dạy của giáo chủ họ. Vì không có một vị giác-chủ-chơn-chánh nào lại dạy tin đồn ghét bỏ tha nhân, mưu hại, chém giết đồng bào, vong ân, phản quốc mà các ngài đều dạy: thương yêu giúp đỡ kẻ khác, quên thù trọng nghĩa v.v..

Đi hết đoạn đường hướng về phía Bắc, rẽ vào phía đông thì đến Pakki Kutti. Đây là mỏ đất lớn và cao nhất trong thành. Theo ký-sự của ngài Huyền-Trang và Nghĩa-Tĩnh thì đây là di-tích của tháp kỷ niệm sự cải hóa của Angulimala. Sau khi quan sát toàn cảnh Pakki Kutti, tất cả chúng tôi đến nghỉ mát dưới một gốc cây. Thầy Basadika thì hành bốn phạn, kể lại câu chuyện cải hóa của Angulimala:

«Lúc bấy giờ ngoài thành Xá-vệ này có một tướng cướp tên Angulimala. Tướng cướp này khuấy phá làng nước đã lâu và mỗi khi giết được người thì chặt lấy một ngón tay xâu thêm vào cái vòng ngón tay đang đeo nơi cổ. Quân lính triều đình chịu bó tay trước sức mạnh phi thường và tài biến hiện của tên sát nhân này.

Khi đến ở tại Kỳ-viên, nghe tin này, đức Thế-tôn muốn cải hóa Angulimala. Một hôm Ngài đi tìm Angulimala. Nhiều người khuyên can không nên đi, nhưng Ngài vẫn làm công việc của Ngài.

Thấy được Ngài, Angulimala rượt theo với niềm vui sướng là có người chết thay cho mẹ chàng và chàng sắp hoàn thành được vòng hoa gồm 1.000 ngón tay của một ngàn người và như vậy chàng sẽ được điếm đạo theo như lời dạy của đức Tôn-sư. Với một tốc lực rất nhanh, nhưng không tài nào chạy kịp đức Phật. Angulimala tức giận rồi

tự nghĩ: « Quái gở! Ta đã từng chạy mau hơn voi, ngựa, xe. Nhưng tại sao hôm nay ta bất lực như thế này: không đuổi theo kịp người đạo-sĩ đang đi một cách khoan thai dằng kia. Chàng đứng lại và hét lên: « Hãy dừng lại! Hãy dừng lại, người đạo sĩ kia! »

Lúc gặp Angulimala, đức Phật bảo: « Này Angulimala! Ta dừng lại để cho người được việc. Nhưng người có nên dừng lại cái nghề giết hại độc ác của người không? Nếu được, Như-lai sẽ giúp người trở về con đường chơn chánh. Như-lai tin rằng thiện tâm chưa chết trong lòng người. Nếu người ban cho nó một cơ hội thuận tiện thì nó sẽ sống lại, thay đổi đời người và làm cho người được an vui.

Angulimala cảm động và thấy mình như bị đánh ngã bởi tiếng nói từ bi, chàng tự bảo: Cuối cùng, người đạo sĩ này thẳng phục được ta. Chàng kính cẩn bạch với đức Phật:

— Bạch Ngài, hôm nay, tiếng nói nhiệm mầu của Ngài đã thức tỉnh con. Con xin cương quyết từ bỏ tất cả những hành động tàn bạo mà từ lâu con đã tạo. Xin Ngài từ-bi dắt dìu con trên con đường lành» Liền khi ấy Angulimala quăng vòng ngón tay xuống hố sâu mà lâu nay chàng ta đã mang nó một cách hãnh diện rồi hạ mình kính lạy đức Phật và xin Ngài tha nhận làm đệ tử. Đức Phật bảo: « Người đã muốn, hãy theo Như-lai »

Từ lâu, quân lính của Triều đình cũng như chính vua Ba-tư-nặc lấy làm tức giận và nhục nhã vì không trị nổi Angulimala. Vua mất mặt với thần dân và các nước láng giềng về vụ Angulimala. Một hôm vua đến yết bái đức Phật. Ngài hỏi: « Đại vương! Việc gì đã xảy ra? Có điều gì rắc rối với vua Bimbasara ở Magadha, với vua Licchavis nước Vesali hoặc một kẻ thù nào khác chăng? »

— Bạch Thế-tôn! Chẳng có gì rắc rối với các nước ấy. Duy có một điều đáng tủi hổ cho con là con đã không thể trị nổi Angulimala. Nó phá hại làng xóm và giết chóc dân chúng quá ghê rợn!

— Nay Đại-vương! Nếu nay Người thấy Angulimala trong bộ cà-sa vàng, râu tóc cạo sạch, là một đạo-sĩ đức hạnh thì người đối với y như thế nào?

— Bạch Thế-tôn! Con sẽ vái chào và mời Y ngồi. Và sẽ dâng cúng các phẩm vật như con đã dâng chư Đại-đức ở đây. Nhưng bạch Thế-tôn! Bóng mắt đức hạnh, làm sao che đến con người hung bạo ấy được.

Ngay lúc ấy đức Phật đưa tay chỉ về phía bên phải nơi Angulimala ngồi, và nói: «Nay Đại-vương! Đây là Angulimala?»

Vua Ba-tư-nặc vừa ngạc nhiên vừa run sợ. Thấy vậy. Đức Phật dạy: không có gì đáng sợ ở nơi đây cả, Đại-Vương. Nhà vua lấy lại bình tĩnh. đi thẳng đến nơi Angulimala đang ngồi và nói: «Có phải Ngài thật là Angulimala chăng? «Tâu Đại-vương, tôi chính là Angulimala».

— Thân phụ và thân mẫu của Ngài thuộc về giòng họ nào?

— Thân phụ tôi thuộc về họ Gagga, tâu Đại-vương, và thân mẫu tôi là Mantani.

— Đức hạnh thay người con của Gagga và Mantani. Tôi sẽ dâng hiến lên người tất những vật cần dùng.

Lúc bấy giờ Đại đức Angulimala xin đức Phật được ở vào một nơi thanh tịnh dễ tiện bề thuyền quán, và chỉ mặc ba y phần tảo (may bởi những dẻ rách xấu nhỏp lượm ở những đồng rác) nên Đại-đức từ chối không nhận thêm những phẩm vật của nhà vua.

Đứng đây hướng về đức Phật, Vua Ba-tư-nặc tán thán: «Bạch đức Thế-tôn, mẫu nhiệm thay! Kỳ diệu thay! Ngài là đấng đủ sức điều trị những kẻ khó điều trị, thẳng phục những kẻ khó thẳng phục, làm thanh tịnh những kẻ loạn động. Những kẻ mà con không chinh phục được bằng lưỡi gươm thì Ngài đã chinh phục được bằng lòng từ bi».

(Còn nữa)

# NƯỚC TỈNH RỪA THÙ

(Kịch 3 màn của Hoàng-Ẩn)

(Tiếp theo)

**Lan Phương:** (Im lặng nhìn theo Thái-Giám, đợi Thái-Giám đứng dậy). Nhưng quan Thái-Giám ơi! Ý Mẫu-hoàng lại khác. Người muốn Phương quên đi hận thù.

**Cụu Thái Giám:** (sửng sốt)

**Lan Phương:** Trước khi nhắm mắt, người gọi Phương lại bên giường cầm tay mà căn dặn: «Phụ-Hoàng buồn rầu không sinh được trai để phục thù, nhưng mẹ lại vui mừng thấy con là gái. Vì mẹ không muốn máu lại nhuộm đỏ Hoàng-cung tang tóc đeo rắc trên đầu giòng họ La-Hầu, mặc dầu giòng họ ấy đối với ta là kẻ nghịch. Không, Mẹ không bao giờ phản bội cha con nhưng mẹ không muốn con lấy oán báo oán, dây dưa thêm mãi hận thù gây thêm nghiệp nặng. Mẹ muốn con lấy ân đức mà cảm hóa lòng người. Giòng họ La-Hầu phản bội, tàn ác thì rồi đây tự họ sẽ đền tội lớn lao, luật nhân quả không sao tránh khỏi, hà tất con phải nhúng tay»!

**Cụu Thái Giám:** Nghĩa là ta cứ để mặc La-Hầu và giòng họ ung dung an hưởng cảnh giàu sang đến bao giờ chúng chết thì chết!

**Lan Phương:** Mẫu-Hoàng là một Phật-tử. Dạ từ bi của người bao trùm tất cả cho đến những kẻ đã gây tai họa cho ta người cũng cầu cho họ được an lành. Người dạy rằng: «Con đã biết cảnh tang tóc, chia lìa đau khổ đến dường nào thì không nên dè cho kẻ khác cùng chung cảnh ngộ như ta»

**Cụu Thái Giám:** Nhưng ta vô có mà chịu đau khổ mới đáng thương chứ chúng tàn bạo, tham lam chết là đáng số.

**Lan Phương:** Vậy mà Mẫu-Hoàng lại khuyên Phương nên lấy lượng khoan hồng tha thứ cho họ. Người không muốn Phương gây ra cảnh thương tâm người không muốn Phương phạm tội sát sanh. Bởi vậy khi dương cung lên đề bắn con chim, lời căn dặn vãng vãng bên tai, Phương do dự.

**Cựu Thái Giám:** Nếu vậy mộng này ắp ủ bấy lâu chỉ còn là một giấc mộng! Công-chúa yếu đuối đến thế thì mạng sống của La-Hầu còn mãi đến muôn đời. Trời ôi! Giòng máu bất khuất, quả cảm của Tiên Đế vừa mới sôi nóng trong người Công-Chúa, giờ vừa mừng khắp khởi thì lời Công-Chúa thốt ra làm cho già như một kẻ tử trên đời cao rơi xuống vực thẳm... Công-Chúa! Công-Chúa suy nghĩ gì mà thù người ra như vậy!... Ừ. Phải rồi. Công-Chúa đang đứng giữa ngã ba đường, đang tìm một hướng đi. Tội nghiệp! Nhưng không. Công-Chúa hãy tưởng tượng lại cảnh pháp trường, cha bị trời ghi hai tay, đầu kê trên thớt sắt. Trời! một vị Đế-Vương mà nhục nhã biết bao! Còn mẹ khóc than, gào thét bị quân binh chửi mắng quát tháo, đối xử thua một kẻ cùng đinh. Công-Chúa còn nhớ, còn nhớ chứ?... Đôi mắt Công-Chúa lại sáng lên, người con chí hiếu nhớ lại lời nguyện sắt đá, nhớ lại hai chữ phục-thù đã khắc trên tay!

**Lan Phương:** Phục thù! Ta phải phục thù!...

**Cựu Thái Giám:** Công-Chúa phải cương quyết, cứng rắn, bền bỉ tìm gan và từ đây đừng nên suy nghĩ vẩn vơ nữa.

**Lan Phương:** Phương nghe lời Thái-Giám... Hình như có tiếng chân người.

**Cựu Thái Giám:** (ra cửa nhìn lạt vào) Không có một bóng ai cả. Nhưng nếu có thì người ấy là bạn của chúng ta

**Lan Phương:** Bạn? Ai vậy?

**Cựu Thái Giám:** Thăng cháu ruột của già... Ừ. Số là lâu nay già tìm cách liên lạc được với nó ở Kinh-thành. Nó làm nghề ca hát. Già nhờ nó bí mật sắp đặt thu xếp, lên đưa Công-Chúa về. Công-chúa sẽ cải dạng nam nhi sung vào ban vũ nhạc.

nó sẽ ra công dạy dỗ đê Công-Chúa trở thành một cậu bé nòi tiếng múa ca. Công chúa sẽ được tuyên lựa vào Cung, sẽ được ra vào nội điện, càng lớn lên giữa cảnh xa hoa lộng lẫy của kẻ thù, càng nhớ hận thù, tìm cơ hội báo oán. Kế hoạch đã bàn kỹ chỉ còn chờ dịp may, chờ thời gian.

**Cụu Thái Giám:** Thế mà Phương chẳng hay biết gì cả.

**Lan Phương:** Việc bí mật già phải kín đáo chỉ đến lúc cần cho Công-Chúa biết già mới lộ ra... Nhưng lạ: giường như tâm linh báo tin mừng sắp đến... Phải rồi: sáng nay có con chim khách kêu ngoài ngõ.

**Lan Phương:** Kia! Sau cây sim già có kẻ đang thập thò.

**Cụu Thái Giám:** (Chạy ra) Quách-Như! Quách-Như đã đến.  
(Quách-Như vào khấn gót trên vai)

**Quách Như:** (Lễ phép chào Lan-Phương) Kính mừng Công-Chúa... Mừng thức phụ.

**Cụu Thái Giám:** (nói với Lan-Phương) Quách-Như, thằng cháu trai của già đó (quay hỏi Quách-Như) Cháu lên từ hồi nào?

**Quách Như:** Cháu băng qua khu rừng Kham đến đây đã lâu, nhưng thấy Thức - phụ và Công-chúa mãi đàm đạo nên đứng núp sau bụi rậm.

**Lan Phương:** (Uy nghiêm) Chú Như!

**Quách Như:** Bẩm Công-chúa?

**Lan Phương:** Từ khi La-Hầu lên ngôi đối xử với thần dân trăm họ ra sao?

**Quách Như:** Từ khi lên ngôi, La-Hầu chăm lo sửa sang việc nước dẹp dạ thần dân, y cũng tỏ ra là một bậc Anh Quân.

**Lan Phương:** Anh Quân:

**Quách Như:** Nhưng Anh Quân hay bạo Chúa hẳn vẫn là soán nghịch. Công-chúa hãy tạm quên tất cả mà chỉ nên biết mối thù nhà.

**Lan Phương:** Xin nghe lời Thái-Giám.

**Cụu Thái Giám:** Mãi nói chuyện quên hỏi cháu, Công việc của chúng ta ra sao?



**Quách Như :** Hôm nay cháu lên đưa Công-chúa về Kinh. Dạ Công-chúa phải đi ngay nếu không sẽ không còn dịp may nào hơn nữa. *(lấy khăn ra gói một chiếc áo mào)* Công - chúa vào thay áo mào để cải dạng nam nhi *(Lan Phương cầm áo mào)*,

**Cựu Thái Giám :** Còn chú tạm ở lại đây chờ tin tức.

**Quách Như :** Thúc-phụ phiền đợi một thời gian. Công - chúa quả thông minh dĩnh ngộ, tài ba sớm nở, cháu chắc việc lớn sẽ thành.

**Cựu Thái Giám :** Trăm sự chú nhờ tay cháu;

**Quách Như :** Xỉa thúc phụ đừng lo, cháu quyết đem hết dạ trung can đền ân Tiên-Đế,

**Cựu Thái Giám :** Được vậy, chú mừng chi xiết kìa... *(thấy Lan-Phương vào. hình dạng con trai)* Ha! Ha! Như thế còn ai biết là gái! *(Lan-Phương và Quách-Như đều cười)* Từ đây cậu bé lấy tên Mã - Hùng, Công-Chúa Lan-Phương sẽ lộ hình khi nào hai chữ phục thù khắc bằng son trên tay vẽ thành máu trong cung điện nhà vua.

**Quách Như :** Thôi chúng ta gặp lên đây.

**Lan Phương :** *(buồn rầu)* Thái - Giám ở lại trong nom mộ phần Mẫu-Hoàng, Phương xin hứa sẽ luôn luôn bền lòng, vững chí, kiên nhẫn đợi chờ.

**Cựu Thái Giám :** *(gạt nước mắt)* Công-Chúa yên tâm ra đi... Từ đây cách xa nhau đằng đẵng, giờ biệt ly không sao khỏi buồn ngủi, già cỗi chúc Công - Chúa chóng đạt thành chí nguyện...

Lan Phương và Quách Như ra...

Cựu Thái Giám nhìn theo...

MÀN HẠ

*(Còn nữa)*

---

## BÓN XEM :

Tập sách « **SỐ MỆNH** » do Tổng Trị-sự Hội Phật-giáo Việt-Nam tại Trung-phần xuất bản để lấy tiền giúp nạn bão tại hai tỉnh Quảng-trị. Thừa-thiên. Sách dày 58 trang cỡ 12,5×20. giá ủng hộ 10\$.

Quý đạo hữu nào muốn ăn tổng, trước để làm việc nghĩa sau để hiểu thêm một khía cạnh Phật-pháp, xin liên lạc với Văn-phòng Tổng Trị-sự (chùa Từ-Đàm) ở xa xin biên thư : Hộp thư 62, Huế.

# MÁCH THUỐC



## Ô. Lê đức Định KBC 4.447

- Em nhỏ 11 tuổi, đau bụng, đi ngoài thường có chất dăm nhớt lẫn lẫn ít máu tươi, thỉnh thoảng có ra sản lẫn và nhiều sản kim.
- Tôi hay đau lưng, ở cổ có dăm nhớt, ngủ ít, mồ hôi nhiều.

Trả lời:

1) Em ó ỉg hãy xỏ sản bằng cách dùng thuốc NĒO-BÉDERMINE Sáng nhĩn đôi ống 5 muỗng-mẫu. Cách bốn giờ sau mới được ăn cơm. Nghĩ một tháng xỏ tại một lần như vậy. Uống ULTRAVITAMINE 4 cho mạnh thêm người: ăn một muỗng nhỏ ngày 3 lần thuốc ULTRAVITAMINE 4 trước một buổi cơm.

2) Tiêm SULFOIODINE hai ngày một ống vào mông. Tiêm 10 ống nghĩ một tháng tiêm lại một kỳ như vậy. Không có SULFOIODINE thì uống 1 viên BUTALGINE sau mỗi bữa cơm. Tối trước khi đi ngủ nhét vào hậu môn một viên PERTRANQUIL SUPPOSITOIRES.

## N T Luyện. Huệ

Ơ khỏe chân út có bợn da dày trĩch, đau lĩm, nhất là khi mang giày.

Trả lời:

Có thể óng bị verrues. Chĩra bằng cách dùng thuốc VERRUCOLYSE hoặc út điện. Óng nên chịu khó đến Bệnh-Vĩện để được khám kĩ tận mắt.

## Cô V T N-Th. Phan-Rang.

- Hai bàn tay khi giặt đồ bị lột da non
- Khi còn 10 ngày sẽ có kinh-nguyệt thì cở, cứ tần hĩng, nếu không lần-hĩng thì nói không ra tiếng.
- Óm từ hồi còn nhỏ.
- Hai bàn chân bị nứt. Xin thuốc xĩc.

Trả lời:

1) Tay dầm nước luôn thì da dễ bị lột, nhất là giặt áo quần có xà-phòng nó làm hư da ghẽ lĩm. Có thể thì nhờ người khác giặt giúp một ít áo quần để tránh sự đụng chạm luôn với nước xà-phòng. Mỗi lần giặt xong có nên xĩc một lĩu kem mỡ vào tay (ví dụ như crème NIVĒA hoặc crème PHĒNERGAN cũng được)

2) Xĩc chân ngày một lần với BOMMADEÁL'HYDROCORTISONE.

3) Sấp có kinh-nguyệt có nên uống buổi sáng mỗi ngày 1 viên PERTRANQUIL.

4) Uống HĒPATONE POLYVITAMINĒ 1 ống trước cơm trưa và cơm tối. Chĩch DOCĒMINE 1000 ba ngày 1 ống và mông. Uống 20 giọt CHOPHYTOL sau cơm trưa và cơm tối.

Bác-sĩ N-A

Y-Khoa Đĩ-Học PARIS

213 Huỳnh-Thĩc-Khĩng - Huế

## TIN TỨC

Hai cuộc thuyết pháp tại chùa Xá-Lợi. Diễn giả là hai Đại-đức ở Nhật-bản mới về.

— Ngày 15-8-62 Hội Phật-học Nam-Việt đã tổ chức hai buổi thuyết pháp tại chùa Xá-Lợi. Đại-đức Thích Tâm-Giác nói về: «Thuyền-Tôn với Nhật-Bản» Đại-đức Thích Thạch-Kiểm nói tổng quát: «Các Tông của Phật-giáo Nhật-Bản» Hai cuộc thuyết pháp này được đông bào Thủ-đô tham dự rất đông, và đều tán dương công đức diễn giả.

**Đại hội đồng Phật-giáo Quảng-tín.** — Như đã loan báo trong số trước Đại-hội đồng Phật-giáo Tỉnh Quảng-Tín đã được triệu tập tại Tam-kỳ trong hai ngày 15 và 16 tháng 9-1962. Đại-hội đồng thân được triệu kết quả mỹ mãn. Ban Trị sự đã được bầu xong và Thầy Thích Thiện-Duyên được Đại-hội đồng cung thỉnh giữ chức Hội-trưởng. Trong buổi lễ chính thức thành lập Tỉnh-hội Phật-giáo Quảng-Tín vào sáng 16-9-62 Thiếu tá Tỉnh-trưởng và rất đông đại diện quân, dân, chính đến tham dự. Trong đáp từ của Thiếu-tá Tỉnh-trưởng, sau khi «ngược dòng lịch sử trên 2500 năm». đề còn lại «ý chí cương quyết cứu thoát sanh linh khỏi vòng khổ ải trầm luân» Thiếu-tá Tỉnh-trưởng đã kêu gọi hàng Phật-tử Tỉnh Quảng-Tín. «Chúng tôi mong mỗi quý vị sẽ đem giáo lý Phật-pháp ứng dụng vào việc chấn hưng nền đạo lý tự giác giác tha, nhằm cổ xúy, khích lệ Phật-tử noi lời dạy của đấng Từ-bi tu sửa bản thân để thấu nạp một phần hành lý cao quý cho đời sống tinh thần, giữ gìn kỷ cương đạo đức, phát huy tinh hoa dân tộc

và có đủ đức tin đồng mãnh chống 3 thứ giặc nội tâm «tham, sân, si» để hoàn thành cuộc cách mạng xã hội qua cuộc cách mạng của bản thân. Phần riêng chúng tôi, với tư cách của đại diện chính quyền địa phương, xin sẵn sàng tự giúp quý Tỉnh hội trong mọi lời yêu cầu thiết thực để đem một phần nhỏ góp vào công cuộc hoằng dương Phật-pháp đến chân thiện mỹ». (1)

**Trận bão BABS Quảng-Trị Thừa-Thiên.** — Trong ngày 16-9-1962 đã tàn phá rất nhiều tại hai tỉnh Quảng-Trị, Thừa-Thiên. Riêng về Phật-giáo, các Niệm-Phật-Đường, các nhà Hội-hu hoặc bị sập đổ, hoặc bị hư hại nhiều không kể xiết. Có nơi, con số hư hại lên đến 85%.. Trước tình trạng thảm khốc này Hòa-thượng Hội-trưởng đã kêu gọi Phật-giáo đồ toàn phần cứu trợ nạn bão này. (Lời kêu gọi in trong số Liên-Hoa này). Chúng tôi còn nghe tin Tổng-Trị-Sự đang tìm nhiều biện pháp khác, trong đó có việc phát hành một tập sách nhỏ với giá ủng hộ để lấy tiền giúp nạn bão. Về tinh thần, Tổng-Trị-Sự cũng đã ra chỉ thị tổ chức một lễ cầu siêu trên toàn phần để cầu nguyện hương linh những nạn nhân trận bão... Hằng mong Phật-tử mười phương đáp ứng lời kêu gọi trên đây của Hòa-thượng Hội-trưởng..

**Ngày Đức-Hạnh của Thiếu-nữ Phật-tử Trung-Phần.** — Chúng tôi được biết ngành Thiếu-

(1) Những giòng chữ in xiên được trích trong bài đáp từ của Thiếu-tá Tỉnh-trưởng.

nữ Toàn - phần sắp tổ chức ngày « Đức-Hạnh » vào dịp vía Bồ-Tát Quán-Thế-Âm 19-9 âm-lịch. Trong bức thư ngõ cùng các em Thiếu-nữ, Đạo-hữu phó Trưởng - ban ngành Nữ đã nói: « Đức-Hạnh. Chỉ hai chữ ấy thôi cũng đủ gọi lên và làm sống dậy những tinh-hoa của dân tộc, những nếp sống cổ hữu của những người con thảo, mẹ hiền và nội trợ đảm đang những gì cần thiết để bảo đảm hạnh phúc cá nhân và an-lạc của xã-hội ».

### TIN THẾ GIỚI

**Phật-giáo Hawaii.** — Phái Tịnh-Độ-Tông Nhật-Bản sắp xây dựng một ngôi chùa Hội-Quán của Phái này tại Honolulu. Hội-Quán sẽ được kiến tạo nằm trước khu phố đông đúc của chợ Honolulu. Phía trước của ngôi Hội-Quán này và tầng dưới là nơi để hàng Phật-tử đến lễ bái, đến nghe thuyết pháp và tổ chức các cuộc Đại-Hội. Phía sau, từ mặt đất trở lên có 3 tầng và dưới đất có hai tầng để làm văn-phòng, phòng đọc sách, thư-viện, phòng âm-nhạc, phòng vũ-khúc, phòng ghi âm, phòng hòa nhạc và trong đó có một phòng đặt biệt nhất thuận theo lối kiến-trúc Nhật-Bản. Ngoài ra, bên cạnh có 3 phòng nữa, làm nơi trọ cho hàng tín đồ. Công việc kiến thiết này dự trù mất độ 300 000 Mỹ-kim, thật là một Phật-Đường Vi-Đại.

**Hội-nghị Văn-hóa Phật-giáo Nhật-Mỹ.** — Ngày mồng 9/9/62 này tại Đông-Kinh có tổ chức cuộc Hội-nghị Văn-hóa Phật-giáo tại vùng Kanda, trong Học-Sĩ Hội-Quán và đến

ngày 14/10/62. Hội-nghị Văn-hóa Phật-giáo Nhật-Mỹ sẽ mở tại Wew York, lấy tên là Buddhist Academy và người ta đã dự trù phí khoản cho cuộc Hội-nghị này chừng 500.000 Mỹ-kim. Nhân cuộc Hội-nghị này, người ta dự trù xây một Giảng-Đường có thể dung tắng trên 500 người. Theo chương trình cuộc Hội-nghị này, vào chiều ngày 4/10/62 sẽ có tổ chức mấy buổi Thuyết-pháp về Phật-giáo do Dr. Suzuki đảm nhiệm. Vì muốn cho công chúng vào nghe tự do, nên Ban tổ-chức sẽ kiếm một thính đường lớn ở New York có thể dung tắng trên 900 thính-giả. Nhân dịp Dr. Suzuki sang New York, các trường Đại-Học New York và Columbia đều có thư mời Dr. Suzuki đến thuyết pháp 2 trường đó cho học-giả và sinh-viên Mỹ nghe và Dr. Suzuki đã nhận lời.

**Phật-tử và quyền lợi.** — « Trước năm 1815, Phật-giáo là một quốc giáo ở Tích-lan. Theo hiến ước 1815, chính phủ phải gìn giữ và bảo vệ Phật-giáo nhưng không phải là kiểm soát tôn giáo ».

Đại-đức Bambarande Siré Scevali, giáo-sư Phật-giáo tại đại học đường Vidyalankara đã nói như vậy trong một buổi giảng cho hội Phật-giáo của Bộ Công chánh Tích-lan ở Colombo. Đại-đức cho biết hồi 1815 nhiều người đã đề nghị kiểm soát Phật-giáo và Tăng-già. Nhưng trong đó, phần đông đều nghĩ làm như vậy là theo lẽ lối Tây-phương hoặc không đúng Phật-giáo.

## HIỆU BUÔN NGHĨA-LỢI

41-43 - Trần-Hưng-Đạo - ĐÀ-NẴNG

Vật liệu kiến - trúc Dụng cụ làm nhà

Đại-diện phát hành:

Máy khâu Singer và xe gắn máy Dimoby

## Hiệu Phước-Thọ-Đường

28, Đại-lộ ĐỒNG-KHÁNH ĐÀ-NẴNG (Việt-nam)

Buôn bán thuốc bắc và Đại-lý  
Cao Đơn Hoàn Tán

### Vị trai lá BỒ - ĐỀ

Ngon, bổ, hợp vệ-sinh. Dùng VỊ-TRAI LÁ BỒ-ĐỀ là  
ứng hộ Phật-sự chung.

HƯƠNG BỒ-ĐỀ thơm tinh khiết, thích hợp sự cúng-dường.

Tiêu thụ HƯƠNG BỒ-ĐỀ là giúp đỡ cho Phật-sự chung.

Sản xuất tại 71, đường Lam-sơn gần chùa Từ-Đàm

## Hồng - Phúc

— Chuyên môn chế tạo các loại nhang  
trầm do người Việt-Nam sáng chế,

— Rất tinh khiết làm vừa lòng quý  
khách xa gần.

— Chuyên bán Hương, Đèn, Trầm,  
Trà và Thực-phẩm.

**HỒNG-PHÚC**

101/ A Phan-Bội-Châu 101/ A

— H U Ế —

Nhà in LIÊN-HOÀ, đường Lam-Sơn, 1 kiệt Từ-Quang — Huế